Đường về Xứ Phật - Tập 5 (Phần 1/3)

ISSN: 2734-9195 14:51 17/09/2024

Tu hành giải thoát làm chủ thân tâm không phải việc dễ làm, nếu tu tập một mình, giống như người đi biển không có la bàn, vào rừng không có người hướng đạo.

Đường về Xứ Phật - Tập 5 (Phần 1/3)

ĐƯỜNG VỀ XỨ PHẬT

TIẾNG CHUÔNG CẢNH TỈNH

“Tiếng chuông cảnh tỉnh răn trần thế

Giọng mõ từ bi nhắc mọi người

Phật pháp hiện giờ mê tín quá

Ai ơi! Nên hiểu chớ lầm mê”



LỜI NÓI ĐẦU

***T**ừ nay về sau trong phần vấn đạo, để trả lời mỗi câu hỏi, chúng tôi sẽ giải đáp, thành một bài pháp, chỉ thẳng những pháp nào của đạo Phật và những pháp nào không phải của đạo Phật, bằng cách chứng minh cụ thể, xác thực qua những bài kinh Nguyên Thủy của đức Phật, để quý vị tránh khỏi bị tà giáo ngoại đạo lấy pháp của mình mạo danh là giáo pháp của Phật giáo.*

Ngoài đời, trên thương trường có biết bao nhiêu mặt hàng giả mạo bằng những bao bì, nhãn hiệu, nhưng bên trong toàn là đồ "dỏm". Trong Phật giáo cũng thế, chắc chắn phải có pháp môn giả. Tại sao chúng tôi biết như vậy?

Vì trải qua nhiều thời gian năm tháng, trước kia chúng tôi chỉ nghe các bậc tôn túc thuật lại sự tu chứng đắc của các Tổ mà không trực tiếp thấy, còn hiện giờ chúng tôi đã thấy biết rất rõ ràng với thời gian hơn thế kỷ nay (100 năm). Thầy Tổ của chúng tôi từ người nầy đến người khác qua đời (viên tịch), không để lại cho chúng tôi một niềm tin sâu với Phật pháp. Khi còn sống các Ngài thuyết pháp rất hay, nào là thấy các pháp như mộng, như huyễn; nào là tiếp xúc với sáu trần như hoa đốm giữa hư không; nào là chết biết ngày, biết giờ, biết khắc, biết được tánh linh; nào là làm chủ sự sống chết. Nhưng đến giờ phút cuối cùng, chúng tôi chỉ thấy một hình ảnh đau thương nằm trên giường bệnh mệt nhọc khổ sở, đau đớn trăn trở và còn có lúc lại mê man chẳng còn biết gì cả trước khi viên tịch (chết).

Thầy Tổ chúng tôi, họ đều là bậc chơn tu, tinh cần siêng năng, thức khuya, dậy sớm, xâu chuỗi không rời tay, lúc nào cũng thấy ngồi thiền, niệm Phật, công phu, bái sám không thời nào không có mặt, trừ khi làm Phật sự hoặc bệnh đau.

Từ lúc bé, tám tuổi chúng tôi được vào chùa tu học với các Thầy Tổ, đến ở chùa nào cũng mang dòng phái Thiền Tông, Lâm Tế, Tào Động, Liễu Quán, Thái Thượng v.v.. Nhưng không thấy Thầy Tổ tu Thiền Tông, mà lại tu Tịnh Độ Tông.

Sau những năm tháng theo Thầy tu học, lòng tin tưởng pháp môn Tịnh Độ, noi theo gương hạnh của Thầy Tổ tu tập, nuôi hy vọng niệm Phật cầu vãng sinh để về cõi Cực Lạc Tây Phương.

Thời gian ấy, bỗng dưng làn gió Thiền Tông thổi đến, kinh sách Thiền rộ nở như hoa mùa xuân: nào là Pháp Bảo Đàn Kinh, Thủ Lăng Nghiêm Kinh, Kim Cang Kinh; nào là Nguồn Thiền, Luận Tối Thượng Thừa, Sáu Cửa Vào Động Thiếu Thất, Thiền Luận, Thiền Đốn Ngộ v.v..

Càng đọc những kinh sách này, chúng tôi càng say mê và tưởng mình như được của báu. Chúng tôi được theo tu học thiền, lớp học đầu tiên tại tu viện Chơn Không, do Hòa Thượng Thích Thanh Từ đảm trách hướng dẫn, ba tháng an cư tu học ở đó, sau ba tháng tu học, chúng tôi liền rời khỏi tu viện về Trảng Bàng thuộc tỉnh Tây Ninh, nhập thất tu tập suốt chín năm trời, chuyên cần tu tập pháp môn "Tri vọng" (Biết vọng liền buông), và hằng ngày thường sống nhìn các pháp như mộng, như huyễn, thấy lục trần như hoa đốm giữa hư không. Gần chín năm mài miệt tu hành, chúng tôi ngộ tất cả "công án Thiền Tông, ngồi thiền thì không còn vọng tưởng, (chẳng niệm thiện niệm ác) trạng thái tâm hồn yên lặng như hoà mình trong vũ trụ, lúc bây giờ chúng tôi tỉnh thức rất rõ. Nhưng xét lại không biết cách nào làm chủ sự sống chết, tâm mình cũng vẫn còn bất an, bất toại nguyện, phiền não, (tham, sân, si), biết rằng gặp những việc bất toại nguyện thì thấy những việc đó như mộng, như huyễn, như hoa đốm giữa hư không. Dù biết vậy, nhưng tâm vẫn còn phiền não chưa thật sạch, phải đợi có thời gian nữa, nhưng phải đợi đến bao lâu? Hay đời này hết qua đời khác... Các Tổ dạy: "Tuỳ duyên tiêu cựu nghiệp", có chỗ dạy: "Hồn nhiên" câu nói này là một lý thuyết suông, "tuỳ duyên" như thế nào để tiêu cựu nghiệp? Không có pháp hành cụ thể rõ ràng, lời nói suông để lừa người.

Đối với các pháp Đại Thừa, từ Tịnh Độ Tông cho đến Mật Tông, sự tu tập đối với chúng tôi gần như mất hy vọng. Vì chính ông thân của chúng tôi là một tu sĩ Mật Tông, chú thuật của ông có nhiều thần lực lạ kỳ, nhưng lại để trị bệnh, bói toán như một phù thủy, bùa chú tuy linh hiển nhưng chúng tôi không thấy nó làm chủ sự sống chết, tự tại an vui trong cuộc sống mà chỉ làm chuyện danh lợi như các nghề khác trong thế gian.

Chúng tôi tư duy, suy nghĩ và rất khắc khoải trong lòng, nghĩ đến mình tu hành đến giờ nầy "Đời chẳng ra đời, Đạo chẳng ra đạo". Nếu bây giờ chúng tôi trở ra đời thì quá muộn màng, tuổi đã 44 rồi còn gì nữa, ở trong đạo thì biết pháp nào tu cho đến nơi đến chốn đây: "Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm, độ hết chúng sanh thì thành Phật". Những điều kinh sách phát triển đã dạy, chúng tôi đều chuyên cần siêng năng, tinh tấn tu hành không dám biếng trễ, thế mà xét lại tâm mình chưa được làm chủ, cuộc sống còn nhiều bất toại nguyện, tâm vẫn còn ham muốn "danh lợi, ăn ngủ còn thích, thấy nữ sắc còn muốn nhìn", gần suốt chín năm trời, sự tu hành dường như tránh né và trốn chạy các pháp thế gian, không tìm thấy một sự giải thoát chân thật ở nội tâm mình, chúng tôi tư duy và suy nghĩ: "có phải chăng các pháp môn của hệ phái phát triển là pháp môn ức chế tâm chăng?".

Để được trả lời câu hỏi này một cách cụ thể. Sau này chúng tôi tự tu "Giới, Định, Tuệ" pháp môn của đức Phật, theo kinh sách Nguyên Thủy dạy, chúng tôi thấy

kết quả xả tâm ngay khi bắt đầu tu rất rõ ràng. Nhờ có tu tập, có kết quả trong pháp môn, "Tam Vô Lậu Học". Bây giờ chúng tôi đã thấu biết được rõ và mới dám quả quyết xác định "kinh sách phát triển là pháp môn ức chế tâm thuộc loại thiền tưởng" (tà thiền).

"Chẳng niệm thiện niệm ác, thấy các pháp như mộng, như huyễn, thấy sáu trần như hoa đốm giữa hư không", chúng tôi đã thực hiện những câu này đã nằm lòng, hễ có các pháp đến thì những câu này xuất hiện nhanh chóng, chúng tôi dùng nó đuổi các ác pháp đi hoặc tâm tham muốn của mình (tâm dục), đuổi một lúc nó mới chịu tan biến. Đuổi mãi chúng, chúng mới đi, nhưng chẳng bao giờ diệt chúng được, một bằng chứng hiển nhiên, vì không có đối tượng thì chúng không có mặt, mà hễ có đối tượng thì chúng hiện ra. Thấm thoát thời gian gần chín năm trời mà tâm chúng tôi vẫn chưa an. Tự cảm thấy như mình là kẻ trốn chạy các pháp thế gian, tránh né sáu trần và cuối cùng xét lại các pháp môn tu hành của Đại Thừa và Thiền Đông Độ này không thể giải thoát được thân tâm.

Không biết giờ này các bạn đồng tu của chúng tôi, tu hành ra sao? Riêng chúng tôi lúc này (năm 1980), chúng tôi rất ngao ngán với số phận làm thầy tu. Một hình ảnh đen tối đến với chúng tôi, và tự nghĩ: "hay mình tìm một nơi đâu, trong rừng hoang vắng rồi tự tử cho xong đời (kiếp đời tu sĩ)", nhưng một hình ảnh hiện lên trong chúng tôi, một người mẹ già yếu đuối, tóc bạc phơ, lưng còm, tuổi đời gần chín mươi, sự sống không còn bao lâu nữa, hằng ngày nấu cơm bưng vào thất, giúp chúng tôi sống tu hành. Nhờ hình ảnh ấy, nếu không có mẹ, chắc chúng tôi không thể sống và tiếp tục tu theo con đường giải thoát của đạo Phật, niềm hy vọng tu hành giải thoát đã trở thành mây khói.

Trong lúc tâm hồn chúng tôi đang chán nản tận cùng, trước mặt là bước đường cùng của kiếp đời tu sĩ.

Bỗng nhiên, chúng tôi nhớ đến lời của Hòa Thượng Minh Châu, Ngài đã nói trong bài tựa kinh Trung Bộ tập 2 Pàli-Việt đối chiếu: "Càng dịch chúng tôi càng thấy rõ ác ý của các nhà Bà La Môn đã dùng danh từ Tiểu Thừa để gán vào những lời dạy thực sự Nguyên Thủy của đức Phật và khiến cho các Phật tử, không dám đọc, không dám học, không dám tu những pháp môn ấy. Càng dịch càng thấy rõ dụng tâm hiểm độc của các Bà La Môn, đã khôn khéo xuyên tạc đạo Phật, khiến cho những giáo lý căn bản, tinh hoa cao đẹp nhất của tư tưởng nhân loại, đã bị những tư tưởng tà giáo xen lẫn, bị ruồng bỏ, bị che giấu không được biết đến, không được học hỏi tu hành. Nhưng chân lý bao giờ cũng là chân lý. Mặt trời bao giờ cũng là mặt trời".

Nhớ đến đây, những lời này, chúng tôi cố tìm lại bộ kinh Nguyên Thủy Pàli-Việt để trên tủ sách trong thất, do Hòa Thượng Minh Châu dịch lần đầu tiên. Tôi lấy xuống và bắt đầu nghiên cứu lại bộ kinh sách này. Sau khi nghiên cứu, tìm hiểu lời Phật dạy rất kỹ, chúng tôi sống và tu tập đúng theo lời dạy của đức Phật: "Giới, Định, Tuệ".

Theo lộ trình "Tam Vô Lậu Học", sống đúng giới hạnh, lấy giới luật phòng hộ sáu căn, đời sống thiểu dục ít muốn, biết đủ luôn theo pháp "Định Tư Cụ", ngăn ác, diệt ác, sanh thiện, tăng trưởng thiện. Nhờ đó, kết quả tâm hồn thanh thản, an lạc, tâm thường quay vô, không phóng dật, biết rõ những hoạt động trong nội thân, tâm luôn không để ý sáu trần, nên thấy rõ thân tâm có một cuộc sống giải thoát an lạc, vô sự.

Càng giữ gìn "Giới luật", càng tu tập "Tứ Chánh Cần" thì kết quả thân tâm giải thoát rất rõ ràng và cụ thể. Càng tu lại càng ham thích, tự tâm siêng năng và tinh tấn không cần cố gắng nhiều và bắt buộc mình, tự nó siêng năng tinh tấn.

Nhờ sự nghiên cứu và tu tập các pháp môn này kết quả tâm bất động trước các pháp, nên trí tuệ được triển khai, nhờ thế chúng tôi rất am tường thông hiểu kinh sách Nguyên Thủy và có đầy đủ kinh nghiệm, vì vừa nghiên cứu lý thuyết, vừa thực hành lời dạy của đức Phật nên từng bài kinh, từng câu, từng chữ trong tạng kinh Pàli chúng tôi hiểu rất vững vàng.

Riêng về kinh sách Đại Thừa và Thiền Đông Độ, chúng tôi đã bỏ công tu tập chín năm trời, nên những trạng thái ức chế tâm, tu tập các pháp hành của thiền Đông Độ và Đại Thừa chúng tôi đều biết rất rõ. Vì vậy, khi được hỏi điều gì đến những trạng thái định có liên quan đến Phật giáo dù ở bộ kinh nào của: Đại Thừa, Thiền Tông và Nguyên Thủy của Đại Thừa, Thiền Tông và Nguyên Thủy. Chúng tôi xin trình bày ngay đến quý vị, đáp ứng các yêu cầu để làm sáng tỏ lại Phật giáo, còn nếu không có ai hỏi thì thôi. Đối với chúng tôi ai tu sao cũng được, có giải thoát hay không giải thoát là quý vị nhờ và chịu lấy. Chuyện Phật Pháp không phải chuyện riêng của chúng tôi mà là của chung mọi người.

Chúng tôi trả lời đây, vì duyên của quý vị hỏi, chứ không phải tự chúng tôi đặt ra câu hỏi để trả lời nhằm có mục đích gì. Mặc dù, chúng tôi biết phật giáo phát triển đã truyền vào đất nước Việt-Nam đầu thế kỷ thứ ba cuối thế kỷ thứ hai và Thiền Tông truyền vào thế kỷ thứ năm, thành một truyền thống dân tộc của đất nước này, muốn xóa nó không phải là một việc dễ làm, nhưng chúng tôi nghĩ đến số phận của những người tu như chúng tôi, nên chúng tôi nói, ai có tin thì tin, không tin thì thôi, tu hành có được thì quý vị nhờ, không được thì quý vị chịu, giải thoát cho quý vị đâu có liên quan gì đến chúng tôi.

Chúng tôi trả lời vì sự bắt buộc ở câu hỏi của quý vị, nếu không trả lời, chúng tôi phụ lòng quý vị, mà trả lời cho quý vị thì phải nói thẳng, nói đúng, nói cái sai, cái không đúng của đạo Phật; nói cái sai tu hành sanh ra bệnh tật điên khùng; nói cái sai để quý vị không bị kẻ khác lừa đảo bởi những pháp mê tín, phi đạo đức; nói cái sai để quý vị khỏi bị kẻ khác lường gạt, làm tiền, làm danh, hoặc buôn Phật, bán pháp (kinh doanh tôn giáo).

Vì cảm thông sự tu hành rất khó khăn và dễ bị lầm đường lạc lối. Do đó, chúng tôi nói ra cái sai để quý vị không uổng phí một đời tu hành, ngược lại quý vị cho rằng chúng tôi bài bác các Tổ sư, chống trái kinh sách phát triển.

Kính thưa quý vị! Chúng tôi chống trái để làm gì? Khi chúng tôi cũng là một nạn nhân của các pháp môn này, chúng tôi nói ra vì quý vị, quý vị có hiểu thấu chăng? Chúng tôi là chiếc xe đã lọt hố muốn cho các xe sau đừng lọt hố nữa nên cảm thông những câu hỏi của quý vị mà chúng tôi trả lời, biết như thế nào chúng tôi nói như thế nấy, đúng sai quý vị còn suy ngẫm.

Khi chúng tôi trả lời, chỉ mong quý vị suy ngẫm kỹ lời chúng tôi nói và lời kinh Nguyên Thủy dạy, có tương ưng, có phù hợp, có đúng nghĩa hay không? Đúng thì quý vị tin chúng tôi, bằng không đúng thì quý vị đừng tin và cũng đừng cười chê vì chúng tôi cũng chỉ là con người như quý vị.

Chúng tôi cũng là một con người phàm phu như quý vị, nhờ sống đúng giới hạnh và giới đức, tu tập đúng các pháp của Phật đã dạy. Từ đó, chúng tôi sống trong đạo đức "Nhân quả không làm khổ mình, khổ người". Hằng ngày tu tập tỉnh thức trong mọi oai nghi tế hạnh, cả niệm hơi thở, chúng tôi đều hướng tâm ly tham, sân, si và ái dục, nhờ thế chúng tôi thấy được tâm mình giải thoát, đó cũng là mãn nguyện lắm rồi.

Vì đã không làm khổ mình, khổ người, chúng tôi thấy rất rõ là tâm chúng tôi đã "ly dục, ly ác pháp". Ly dục ly ác pháp, tức là chúng tôi đã làm chủ được cuộc sống của chúng tôi. Làm chủ cuộc sống, tức là làm chủ được "Sanh" như trong kinh Phật đã dạy. Sanh là một trong bốn cái khổ của kiếp con người.

Chúng tôi trở về pháp môn Nguyên Thủy, tu tập chỉ trong vòng sáu tháng, làm chủ được tâm, không còn thấy các pháp như mộng, như huyễn, sáu trần như hoa đốm giữa hư không nữa mà lại được giải thoát.

Nhờ tu tập có kinh nghiệm và nghiên cứu toàn bộ kinh Nguyên Thủy, nên lập trường trả lời của chúng tôi đều dựa vào đó dựng lại Phật giáo, trong lúc giáo pháp của Phật đã bị dìm mất, ít có người được biết đến. Vì vậy, chúng tôi trả lời quý vị không ngoài lời Phật dạy. Tin hay không tin, đó là quyền của quý vị,

chúng tôi thì nói thẳng, nói thật mà thôi, chứ không có tâm phỉ báng giáo pháp ai hết.

Xin thưa cùng quý vị, chúng tôi biết rằng, "lời thật mất lòng", nhưng vì bị hỏi chúng tôi phải nói toạc sự thật thẳng thừng để cho mọi người không bị tà giáo ngoại đạo của kinh sách phát triển lừa đảo và những người đang tu hành không lầm lạc pháp môn của ngoại đạo này đã tu dở chết dở sống (Đời chẳng ra đời, Đạo chẳng ra đạo) giống như chúng tôi tu hành ở những năm 1980. Chúng tôi cảm thông với những người tu sĩ ấy, có nhiệt tâm có quyết tâm tìm đường giải thoát trong đạo Phật như chúng tôi lúc trước.

Chúng tôi chỉ ước mong những câu trả lời của chúng tôi sẽ làm sáng tỏ những gì của đạo Phật đang bị che mờ bởi giáo pháp của Bà La Môn. Với thâm ý của chúng tôi không muốn chống trái ai hết, ai có duyên tu pháp môn nào cũng được, nhưng có tu giải thoát được thì dạy người, bằng tu chưa có kết quả thì đừng dùng lý thuyết suông lừa đảo gạt người, gây mê tín, dị đoan khiến cho mọi người khổ sở, phí hết kiếp người và cũng đừng vì quyền lợi, ích kỉ, nhỏ mọn mà gán các pháp môn của ngoại đạo đó cho là của Phật giáo, thì chúng tôi rất đau lòng.

Phật giáo không có các pháp môn thiền tưởng, không có pháp mê tín, trừu tượng, mơ hồ. Vì thế, buộc lòng chúng tôi phải nói thẳng để cho người đời sau đừng lầm lạc một cách đáng thương.

Chúng tôi tu hành theo Phật giáo mà đã bị lừa gạt và lầm lạc pháp môn của ngoại đạo, nhiều khi chúng tôi muốn chết hơn là sống. Vì sống làm gì "Đời chẳng ra đời, Đạo chẳng ra đạo", sống bằng ba tấc lưỡi, gạt người, bỏ cha, bỏ mẹ, bỏ gia đình, vợ con, bỏ cả thân bằng quyến thuộc, bỏ của cải, tài sản, sự nghiệp, nhà cửa, để đi tu, mong tìm đường giải thoát thân tâm mình, chứ đâu phải để thành tên lừa đảo có sách vở.

Vì cảm thông nỗi khổ đau của những người đồng "bệnh", nên chúng tôi nói thẳng, chẳng hề sợ hãi trước thế lực quyền uy của kẻ khác, dù chúng tôi có ra sao và như thế nào, chúng tôi cũng vui mừng, vì đã nói một sự thật, có lợi ích cho muôn người, không phải vì cá nhân của chúng tôi.

Chúng tôi trả lời thẳng vì tín đồ Phật giáo khắp năm châu bốn biển đang hướng về Phật giáo chân chánh.

Chúng tôi trả lời thẳng vì đạo đức của Phật giáo đã bị đánh mất, bởi giáo pháp của ngoại đạo (Đại Thừa), thay thế vào một đạo đức mê tín, làm cho nhân loại mất đi một nền đạo đức sống thực, một nguồn hạnh phúc, an vui của mọi người.

Chúng tôi trả lời thẳng, chỉ vì con người trên hành tinh này đang cần một nền đạo đức "nhân bản – nhân quả sống không làm khổ mình, khổ người".

Trên cuộc đời này duy chỉ có đạo Phật mới có một nền đạo đức công lý và công bằng đúng đắn như vậy mà thôi.

Chúng tôi nói thẳng vì lợi ích chung cho con người trên hành tinh này, dù ai có nghĩ sao về chúng tôi, cho chúng tôi là điên khùng, dốt nát, không thông suốt kinh sách Phật giáo, không hiểu giới luật Phật là gì, nói bậy bạ không trúng vào đâu, chúng tôi vui lòng chấp nhận cả. Nhưng xin mọi người hãy theo đúng giáo pháp Nguyên Thủy của đức Phật mà tu tập và sửa những gì sai trái để xây dựng cho mình một tâm hồn thấm nhuần đạo đức nhân quả của đạo Phật (không làm khổ mình, khổ người) thì chúng tôi đã mãn nguyện lắm rồi.

Trải qua thời gian tu tập chúng tôi biết rất rõ con đường nào tu tập đi đến kết quả làm chủ sanh, già, bệnh, chết của Phật giáo. Con đường ấy không phải để cho những người tu hành phạm giới, bẻ vụn giới, phá giới như các vị Tỳ Kheo của Phật giáo phát triển bây giờ. Phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới, sống không đúng giới đức, giới hạnh, đời sống không thiểu dục tri túc, không lấy giới bổn phòng hộ sáu căn, ăn uống ngủ nghỉ phi thời, không sống độc cư thì dù họ có tu trăm ngàn kiếp vẫn không đến đâu, chỉ uổng cho một đời tu mà thôi.

Trả lời những câu hỏi của quý vị, nói thẳng sẽ đụng chạm rất nhiều, mong quý vị vui lòng tha thứ cho và quý vị hãy suy ngẫm những lời chúng tôi nói, nếu sai xin quý vị bỏ qua cho, còn đúng xin cầu chúc quý vị may mắn gặp thiện hữu tri thức có kinh nghiệm hướng dẫn tu tập đến nơi đến chốn.

Tu hành giải thoát làm chủ thân tâm không phải việc dễ làm, nếu tu tập một mình, giống như người đi biển không có la bàn, vào rừng không có người hướng đạo.

Nếu chúng tôi có trả lời điều chi sai sót xin những bậc cao minh, chân tu, thạc đức chỉ giáo, chúng tôi thành kính tri ân.

Kính ghi

Ngày 11- 12- 1998

BỒ TÁT BỆNH VÌ CHÚNG SANH BỆNH

Câu hỏi của Diệu Quang

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Như trong kinh Duy Ma Cật dạy: "Bồ tát bệnh vì chúng sanh bệnh", câu kinh này dạy có đúng theo giáo lý của đạo Phật hay không? Kính xin Thầy chỉ dạy cho chúng con được rõ.*

Đáp: Kinh Duy Ma Cật là kinh phát triển. Kinh giáo phát triển là kinh sách chịu ảnh hưởng của nhiều tôn giáo khác nhau và những phong tục tập quán của con người trên hành tinh này mà thành lập ra giáo lý của mình, nó không có gì đặc biệt riêng của nó, chỉ khéo dùng những danh từ thật kêu và cũng giống như vẽ rắn thêm chân, thêm râu, khiến cho mọi người dễ bị lầm tưởng là rồng thật. Giáo lý kinh sách phát triển cũng lường gạt tín đồ như vậy, tưởng là một chân lý siêu việt của đạo Phật, nào ngờ là một giáo lý chắp vá, như chiếc áo may nhiều loại vải thô xấu.

Câu: *"Bồ tát bệnh vì chúng sanh bệnh"* cũng giống như câu: *"Chúa chịu đóng đinh trên thánh giá là vì Chúa chịu khổ thay cho con người".*

Trên bước đường hoằng hóa độ sanh của Phật giáo, các vị lãnh đạo Phật giáo, lúc bấy giờ nguồn gốc là những giáo sĩ Bà La Môn và lục sư ngoại đạo. Vì thế, kinh sách phát triển do các vị này biên soạn và viết ra, nên các ngài cố tình dìm giáo lý của đức Phật xuống và lồng giáo lý của mình vào, để phát triển một Phật giáo mới mang tên mới theo ý mình.

Trước khi nhập diệt, Đức Phật đã nhìn thấy đám môn đồ của mình chưa có ai là người đủ khả năng lãnh đạo giáo hội và duy trì giáo pháp của mình.

Ngài biết rất rõ, những kẻ có khả năng, có trí tuệ, có học thức đều xuất thân từ trong các gia đình của Bà La Môn và Lục sư ngoại đạo, họ còn mang đầy ắp những kiến chấp trong tôn giáo của họ. Do những kiến chấp này họ không thực hiện theo giáo pháp của đức Phật. Và cũng vì thế, họ tu hành không giải thoát, không chứng đạt. Còn những đệ tử của đức Phật đã tu chứng thì họ đã nhập diệt trước Phật còn lại một số ít, khi đức Phật nhập diệt xong và giáo đoàn bị phân hóa chia làm nhiều bộ phái, do những người có trình độ kiến thức tranh danh, đạt lợi với nhau. Vì thế, đức Phật biết rất rõ trong số những đệ tử này, nên không trao quyền thừa kế lãnh đạo Giáo Hội Phật Giáo cho ai cả, chỉ nhắc nhở các đệ tử của mình nên lấy giới luật và giáo pháp làm thầy, không nên nương tựa vào ai cả. Ngài đã từng dạy: con người có ba tướng:

1. Nhân tướng
2. Hành tướng
3. Đặc tướng

Do ba đặc tướng ấy nên con người không ai giống ai được. Vì thế, đức Phật không trao quyền thừa kế cho người đệ tử nào hết, nếu được trao quyền, họ sẽ dạy đạo theo đặc tướng riêng của họ, thì Phật Pháp sẽ bị lệch đi, không còn đúng chánh pháp, dù đó là những người đệ tử đã tu chứng, còn những hạng đệ tử tu không chứng, thì lại còn không được trao quyền thừa kế hơn nữa. Vậy mà sau này, các vị giáo sĩ Bà La Môn còn bịa chuyện "Niêm hoa" trên núi Linh Thứu rằng đức Phật đã trao quyền cho Ngài Ca Diếp thừa kế làm tổ thứ nhất. Đó là một câu chuyện bịa đặt thế mà mọi người vẫn tin và còn tiếp tục xây dựng thành 33 vị Tổ Sư Thiền Đông Độ.

Tuy rằng, không được trao quyền thừa kế, nhưng họ đã khéo léo biến Phật giáo thành thần giáo. Giáo lý của Phật biến thành một giáo lý chấp ngã, thần quyền, mê tín, mơ hồ, trừu tượng, lạc hậu, phi đạo đức đi ngược lại giáo lý chân chánh của đạo Phật.

Những vị giáo sĩ Bà La Môn và giáo sĩ của Lục Sư Ngoại đạo đã theo Ngài tu hành đạt được đạo giải thoát thì lần lượt họ đã thị tịch trước hoặc sau Ngài không bao lâu, còn lại những người tu chưa chứng đắc, tâm danh lợi còn dẫy đầy. Những vị Tỳ Kheo này là những Tỳ Kheo phá giới, phạm giới, sống không đúng Phạm hạnh, tu không đúng lời dạy của Ngài, họ là những người ngoại đạo, với những thâm ý sâu độc, mang lớp tu sĩ Phật giáo, ẩn núp chờ khi đức Phật thị tịch là sẽ biến giáo pháp của Phật thành giáo pháp Bà La Môn và Ấn Độ Giáo.

Quý vị, nên đọc lại kinh Phạm Võng "Bồ Tát Giới" cấm không cho tu sĩ và cư sĩ học và tu theo pháp môn Nguyên Thủy, Bồ Tát Giới cho giáo pháp Nguyên Thủy của Phật là ngoại đạo, là Thinh Văn Thừa, là Nhị Thừa, là Phàm Phu Thiền v.v..

Đọc "Bồ Tát Giới" chúng ta mới thấy rõ thâm ý ác độc của ngoại đạo quyết tâm diệt Phật giáo, có thủ đoạn và sách lược rõ ràng với ý đồ lật đổ đức Phật Thích Ca Mâu Ni thay vào bằng đức Phật Di Lặc, để dễ sử dụng toàn bộ giáo pháp Đại Thừa mà không còn ai nghi ngờ. Và sẽ cấm không cho tín đồ tu và học theo giáo pháp của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, kinh sách và giáo lý của đức Phật Thích Ca Mâu Ni sẽ bị đốt sạch.

Đúng vậy, sau khi đức Phật tịch, trong giáo hội chia làm hai bộ phái:

1. Thượng Tọa Bộ
2. Đại Chúng Bộ

Thượng Tọa Bộ là những tu sĩ già thủ cựu, cố giữ nguyên giáo lý căn bản Nguyên Thủy của đức Phật không cho ai thêm bớt một chữ nào cả. Đem kinh sách này hoằng hóa và phát triển đi về phương Nam nên người thời bấy giờ gọi

là Phật giáo Nam Tông.

Trên đường hoằng hóa độ sanh, Thượng Tọa Bộ tuy cố giữ gốc Nguyên Thủy, nhưng vì các vị tu hành chưa chứng đắc nên có sự kiến giải trong giáo lý ấy bằng trí tuệ học giả hoặc bằng những kinh nghiệm chưa đến nơi đến chốn như: Thiền sư Mahàsi (Miến Điện), Thiền sư A-Chaan-chah (Thái Lan). Hai Ngài có những bài kinh soạn theo kiến giải kinh nghiệm tu hành của mình như: Mặt Hồ Tĩnh Lặng, Thiền Minh Sát Tuệ v.v.. Làm sai ý nghĩa và giáo pháp của đức Phật rất lớn.

Vì tu hành chưa tới nơi tới chốn, nên các Ngài biên soạn những loại kinh sách này trong hiện tại và mai sau sẽ để lại cho loài người những tai hại rất lớn, làm hao tài tốn của và phí cả cuộc đời của họ chẳng ích lợi gì, khi họ theo tu những pháp môn này.

Trong thế kỷ này tín đồ Phật giáo khắp năm châu bốn biển đua nhau tu tập thiền Minh Sát Tuệ. Tu tập thiền này phải tập trung theo cơ bụng (Phồng, xẹp) nhằm diệt "vọng tưởng", loại thiền ấy thuộc về thiền ức chế tâm nó không phải là thiền của đạo Phật, thiền của Phật giáo là loại thiền xả tâm "ly dục ly ác pháp" lấy giới luật đức hạnh chuyển hóa nhân quả, làm chủ nhân quả (Các pháp ác không nên làm, nên làm các pháp thiện hoặc ngăn ác diệt ác pháp, sinh thiện tăng trưởng thiện pháp). Mục đích tu hành của đạo Phật là phải khắc phục cho bằng được tâm tham ưu, tức là diệt ngã xả tâm ly dục ly ác pháp, để đạt được tâm thanh tịnh bất động. Theo kinh nghiệm tu hành của những người đã trải qua thì tâm thanh tịnh bất động ấy là tâm không còn tham, sân, si. Khi tâm không còn tham, sân, si thì tâm có đủ bảy năng lực Giác Chi (đạo lực). Từ bảy năng lực Giác Chi mới có đủ Tứ Thần Túc. Tứ Thần Túc là những năng lực siêu việt điều khiển làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi.

Năng lực điều khiển làm chủ sự sống chết của kiếp người mà đức Phật gọi là "Bốn Như Ý Muốn". Bốn Như Ý Muốn tức là Tứ Thần Túc chứ không phải "Minh Sát'' theo kiểu thiền sư Mahàsi dạy.

Cũng trong thế kỷ này, thiền sư A Chaan-Chah người Thái Lan đã kiến giải qua kinh nghiệm tu hành của mình sản xuất ra một loại thiền "Tĩnh Lặng".

Qua hồi ký tu hành của Ngài, do ức chế tâm hết vọng tưởng, Ngài đã rơi vào thiền tưởng, thay vì Ngài tu đúng pháp "ly dục ly ác pháp" thì tâm Ngài thanh tịnh, khi tâm Ngài thanh tịnh thì Ngài nhập được Nhị Thiền, Tam Thiền đến Tứ Thiền và thực hiện Tam Minh, làm chủ sanh, già, bệnh, chết một cách dễ dàng, không có khó khăn mệt nhọc. Nhưng vì ức chế tâm để được tâm tĩnh lặng nên thanh tưởng phát ra tiếng nổ trong đầu Ngài. Ngài cảm thấy như cả vũ trụ đều

tan biến (giống như thiền sư Đông Độ lúc ngộ đạo), rồi từ đó tưởng giải phát ra. Ngài đối đáp vấn đạo giống như thiền sư Đông Độ không khác.

Cho nên, kinh sách Nguyên Thủy hiện giờ bên phái Nam Tông chưa hẳn đã là Nguyên Thủy. Vì các nhà học giả mượn lời Phật dạy rồi thêm bớt rất nhiều theo tưởng giải của mình, khiến cho người đời sau sưu tầm và nghiên cứu những lời Phật dạy, không biết đâu là đúng, đâu là sai. Thật khó cho những ai ở đời sau, muốn tu theo đạo Phật, nhưng vì không rõ nên lại rơi vào pháp ngoại đạo, rồi chấp nhận giáo pháp của ngoại đạo là giáo pháp của Phật, thật đau lòng.

Ở đây nói về kinh sách Nam Tông, tức là kinh sách Nguyên Thủy mà các sư còn dám thêm bớt và còn nghĩ tưởng theo kiến giải của mình biên soạn và viết ra, thì làm sao đúng ý của Phật được, bằng chứng chúng ta thấy rất rõ thiền sư Mahàsi đã dám làm thì các vị trước kia làm sao không dám thêm bớt. Thế mà kinh sách này lại được phổ biến rộng rãi khắp các nước trên thế giới.

Kinh sách Bắc Tông với sự phát triển theo kiến giải phóng túng của các nhà học giả thì thử hỏi sự sai biệt với lời Phật dạy còn gấp trăm ngàn lần.

Vả lại, kinh sách Đại Thừa bị thế tục mê tín lạc hậu hóa rất nhiều. Ví dụ: một sự mê tín trong dân gian, ngày hai ba tháng chạp, tất cả mọi gia đình đều làm lễ cúng đưa "Ông Táo" chầu trời thì trong chùa cũng làm lễ cúng bái đưa "Chư Thiên". Như vậy các bạn nghĩ sao? Phật giáo mà bị tư tưởng hủ tục thế gian đồng hóa thì Phật giáo còn có nghĩa tự thắp đuốc lên mà đi hay không? Còn có trên Trời dưới Trời con người là duy nhất không?

Từ khi Tăng Đoàn Phật giáo được chia làm hai nhóm:

1. Thượng Tọa Bộ
2. Đại Chúng Bộ

Sự phân chia này, thì Đại Chúng Bộ không còn bị sự kềm chế của Thượng Tọa Bộ, nên kinh sách tự do phát triển theo kiến giải học giả, không cần có kinh nghiệm tu hành, phần nhiều chịu ảnh hưởng của các tôn giáo khác và phong tục tập quán của dân gian.

Lợi dụng Phật giáo không có người tu chứng điều khiển, nên mặc sức phát triển theo tâm danh lợi của họ. Do đó, kinh sách phát triển ra đời với một khối lượng vĩ đại. Những người có khả năng viết lách, ai muốn viết muốn luận như thế nào, cứ mặc tình viết và lý luận miễn luận sao có lý, nghe xuôi tai là được, đời sau tu được hay không được mặc kệ. Chỉ bây giờ ngòi bút phóng túng viết cho thỏa thích mà thôi.

Muốn truyền bá loại kinh sách này – kinh sách phát triển không thể hướng phương Nam được, vì nơi đó đã có kinh sách Nguyên Thủy do Thượng Tọa Bộ truyền bá, nên tín đồ ở đó xem kinh sách này (kinh sách phát triển) là kinh sách Bà La Môn giáo, chẳng ai thèm theo và đọc.

Vì thế, kinh sách này truyền về phương Bắc, những người dân ở phương Bắc chưa hiểu gì về Phật giáo, nên kinh sách phát triển truyền đến đâu đều được họ chấp nhận ngay, là vì các họ đã biết dựa theo phong tục mê tín lạc hậu của người dân địa phương), triển khai thành kinh sách và sử dụng thần thông, kỳ lạ v.v.. Do thế kinh sách này phát triển về phương Bắc dễ dàng, nên gọi là Phật Giáo Bắc Tông.

Trên đường hoằng hóa độ sanh về phương Bắc gặp tôn giáo nào thì nó thu thập tinh ba của tôn giáo ấy rồi biến thành giáo lý của mình, như đến Trung Hoa lấy tinh ba của Lão Giáo biến thành giáo lý Tối Thượng Thừa của mình, mà các nhà khoa học, tâm lý học gọi “Thiền Tông” là Phật giáo bị thế tục hóa.

Đến Việt Nam không có tôn giáo nào đặc biệt, không có tinh ba triết lý nào vĩ đại nên nó đã dung hợp ba tôn giáo lớn: Phật (Đại Thừa), Lão (Tiên Đạo), Khổng (Nho Đạo) lại thành một Phật Giáo Việt Nam.

“Vạn Hạnh dung tam tế”.

Sinh hoạt của “Phật Giáo Mới” này tiếp tục triển khai kinh sách phát triển, bằng cách dựa theo phong tục tập quán dân gian biến dần thành kinh sách của mình, để đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của dân gian, cho nên trong chùa thờ đủ loại; Thần, Thánh, Tiên, Phật, Ma, quỷ, cô, cậu, các bà chúa, Quan Thánh Đế Quân, Thập Điện Minh Vương, Ngọc Hoàng Thượng Đế, Long Thần Hộ Pháp, Bát Bộ Kim Cang, cô hồn, các đảng, thập loại âm binh, Nam Tào, Bắc Đẩu, hài cốt loài hổ và vong linh của những người chết trận mạc (Chiến sĩ trận vong) v.v..

Kinh sách phát triển dạy đầy ắp những điều mê tín, nào là cúng vong, tiễn linh, thí thực cô hồn các đảng, nào là cúng sao, giải hạn, cúng ếm Thần Trù, quỷ dữ, nào là cầu siêu, cầu an, xin xăm, bói quẻ, xem ngày tốt xấu, trừ linh, trừ thần v.v.. Mỗi chiều ở các chùa cổ xưa đều cúng thí thực cô hồn các đảng, quỷ chùa, bạch hổ bằng gạo muối v.v.. Phung phí của đàn na thí chủ vô ích.

Hình thức cúng bái tạo ra có vẻ thật sự có thế giới siêu hình đang sống chung đụng với thế giới hữu hình của con người, mà mỗi tai ương, hoạn nạn, tật bệnh của loài người đều do con người của thế giới siêu hình tạo ra thưởng phạt.

Kinh sách phát triển đã lừa đảo con người bằng một thế giới siêu hình mang nhiều hình thức mê tín, lại còn gạt người khác bằng cách hy sinh to lớn với lòng đại từ, đại bi *"Bồ Tát bệnh vì chúng sanh bịnh".*

Có bao giờ Bồ Tát "bệnh" để chia sẻ nỗi khổ đau của chúng sanh được chăng?

Đạo Phật đã dạy cho chúng ta biết rất rõ ràng: Nhân nào quả nấy, ai đã tạo nhân ác thì phải gặt lấy quả khổ, không ai chịu thay quả khổ đó cho ai được, đó là một đạo luật nhân quả công bằng và công lý của nhân loại. Vậy mà có Bồ Tát chịu khổ, chịu bệnh thay cho chúng sanh, hành động của Bồ Tát làm như vậy có phi đạo đức chăng? Con người sanh ra trên thế gian này, đức Phật đã xác định, từ nhân quả sanh ra, sống trong nhân quả, chết về nhân quả. Xác định như vậy thì không có đấng tạo hóa nào sanh ra con người. Vì thế, không có kẻ nào ban phước giáng họa cho con người, mà cũng không có kẻ nào thay thế sự khổ đau của con người được.

Cho nên câu: *"Bồ Tát bệnh vì chúng sanh bệnh"* là câu lừa đảo gạt người của kinh sách phát triển, để chứng tỏ Bồ Tát là kẻ vĩ đại, Bồ Tát có lòng từ bi rộng lớn thương xót đối với tất cả chúng sanh, nhưng không ngờ lời nói dối trá, thành phi đạo đức. Đối với đạo Phật câu nói này là câu nói gian xảo, lừa bịp người đệ nhất.

Vì thế, ai đã tạo nhân ác thì phải gánh chịu quả khổ, không một ai chịu thay cho ai được, đó là luật nhân quả công bằng tuyệt đối, không sai một hào li nào cả.

Khi còn tại thế đức Phật đã từ chối: ***"Các con tự thắp đuốc lên mà đi, ta chỉ là một người hướng đạo chỉ đường mà thôi".*** Lời dạy này đức Phật đã khẳng định sự từ chối không cứu độ ai hết mà mọi người phải tự cứu mình. Cho nên, những lời dạy của Ngài luôn luôn nhắc nhở chúng ta phải tự hành thiện, chỉ có hành thiện mới đem lại sự an vui cho mình, cho người và cho tất cả muôn loài sanh linh.

Vậy mà lại có một Duy Ma Cật dám bệnh thay cho chúng sanh, dám chia sẻ nỗi khổ đau của chúng sanh, thật là gan dạ dám phá bỏ luật nhân quả. Nếu có một Duy Ma Cật làm được như vậy thì đạo đức trong thế gian này còn gì?

Chúng sanh do không hiểu (vô minh) làm điều ác, tạo tội lỗi rồi phải chịu nhiều thống khổ do hành động đó. Đạo Phật ra đời chỉ có mục đích cứu giúp con người thoát khổ bằng cách chỉ dạy cho họ thấu hiểu những điều họ làm là ác, là bất thiện và sẽ đem đến quả khổ đau cho họ, chứ không ai làm cho họ khổ mà chính họ. Để chứng minh lộ trình nhân quả cụ thể cho họ thấy và hiểu rõ hơn thì từ đó họ không còn hành động làm ác, làm khổ mình, khổ người nữa; thì chừng

đó họ sẽ không còn chịu sự khổ đau nữa, tâm hồn họ sẽ được thanh thản, an lạc và luôn sống tùy thuận hòa hợp với mọi người.

Đạo Phật cứu người là giúp con người vén sạch màn "vô minh", để từ đó họ sáng suốt hiểu rõ không còn lầm lạc trong hành động ác, để không tự tạo khổ cho mình cho người nữa. Sự hiểu biết tránh làm điều ác và luôn thực hiện làm điều lành, nên đạo Phật gọi sự hiểu biết đó là trí tuệ hay gọi là tri kiến giải thoát. Nhờ có tri kiến giải thoát, nên đạo Phật gọi là đạo giải thoát, tri kiến giải thoát đó không phải của ai khác mà phải chính của mình mới giải thoát cho mình được.

Cho nên câu nói: *"Bồ Tát bệnh vì chúng sanh bệnh"* là câu nói nghe rất hay nhưng ý nghĩa rất dở, vì phi đạo đức, thiếu công bằng và công lý.

Đối với luật nhân quả, không ai có thể đau bệnh hoặc chịu tai nạn thế cho ai được và cũng không thể chia sẻ nỗi đau khổ với chúng sanh được.

Câu nói: *"Bồ Tát bệnh vì chúng sanh bệnh"* là câu nói láo, lừa đảo thật sự. Nếu quả có một Bồ Tát bệnh thay cho chúng sanh hoặc chia sẻ nỗi đau khổ này, thì chúng sanh phải hết khổ và ít nhất cũng phải giảm thiểu được sự đau khổ, nhưng con người trên hành tinh này có hết đau khổ đâu, vậy thì Bồ Tát nói có đúng không? Các bạn nghĩ sao?

Nhưng luật nhân quả đã không chấp nhận điều này, nếu chấp nhận điều này thì thế gian này còn lấy đâu gọi là đạo đức công bằng và công lý.

Một kẻ làm ác mà có người chịu thay tội khổ, thì nhà giàu có, người làm quan, kẻ làm vua chắc không bao giờ có khổ đau bệnh tật và tai nạn v.v..

Nhưng thật sự nhìn cuộc sống con người trên thế gian này từ vua chúa, quan, dân, người giàu có và đến những kẻ nghèo cùng, khốn khổ, mỗi giới, mỗi giai cấp đều có sự khổ đau, bệnh tật như nhau mà không có ai thoát khỏi, nhất là bốn sự khổ: sanh, già, bệnh, chết và cũng chẳng ai thay thế cho ai được bốn sự khổ này chút nào.

Câu nói phi đạo đức nhân bản - nhân quả của Bồ Tát Duy Ma Cật đã làm cho kinh sách phát triển mất giá trị, nhất là đạo đức của con người.

Nếu bảo rằng kinh sách là chỉ để dùng cho bậc Thánh, Hiền, Bồ Tát chư Phật, tâm không còn sống trong các pháp đối đãi (bất nhị), nên lời nói của Bồ Tát Duy Ma Cật vượt thoát các pháp đối đãi. Nếu luận như vậy thì còn sai hơn nữa. Thánh, Hiền, Bồ Tát và chư Phật không còn biết đạo đức làm người nữa hay sao? Tức là không có pháp thiện và cũng không có pháp ác nữa (bất nhị).

Hàn Sơn, Thập Đắc, Tế Công Hòa Thượng, Phật Sống Cựu Kim Sơn v.v.. Ăn uống dơ bẩn lại còn ăn thịt uống rượu, phạm giới tận cùng, đó là các Ngài sống tự tại vô ngại trong pháp môn bất nhị của Đại Thừa, vì thế các Ngài không còn là con người mà là loài ác quỷ từ pháp môn bất nhị đã sanh ra và hiện giờ trong pháp môn bất nhị ấy còn sanh biết bao nhiêu là loài ác quỷ nữa, nếu chúng ta không chặn đứng được pháp môn bất nhị thì một nguy cơ khiến cho con người không tiến bộ mà còn sống lạc hậu thụt lùi dã man hung ác.

Nếu bảo rằng: *"Chấp giới"* thì phạm hạnh, tức là đạo đức của người tu sĩ Phật giáo ở chỗ nào? Không lẽ đạo Phật không có đạo đức sao? Hay toàn là những thầy tu phạm giới, phá giới v.v.. sống ngang nhiên ngoài vòng pháp luật, là những người vô pháp luật, phi đạo đức.

Hai trăm năm chục giới Tỳ Kheo Tăng và ba trăm bốn mươi tám giới Tỳ Kheo Ni, không phải là đạo đức của Phật giáo sao? Phật giáo còn nhiều giới đức giới hạnh nữa, chứ không phải có bây nhiêu giới đó sao?

Người tu sĩ nào phạm giới, phá giới là người tu sĩ không có đạo đức và thiếu giáo dục đạo đức.

Đừng dùng những danh từ: ***"chấp giới và tự tại vô ngại hoặc thõng tay vào chợ***" để bưng bít hay bịt miệng thiên hạ, để được sống chạy theo dục lạc thế gian mà người ta vẫn tưởng đó là Phật sống. Nên các vị giáo sĩ Bà La Môn dựng lên những nhân vật phá giới, phạm giới: Tế Điên Tăng, Phật Sống Cựu Kim Sơn, Hàn Sơn, Thập Đắc, để giúp cho quý thầy của Phật giáo phát triển và các Thiền Sư Đông Độ tự do phá giới, sống phạm giới mà tín đồ không dám phê phán, đó là một tấm bình phong che đậy cho những người tu danh, tu lợi.

Kinh sách phát triển đã lầm, hay nói cách khác là không hiểu đạo đức của đạo Phật là gì? Nên thường nói giọng cao kỳ: ***"Đại Thừa, Tối Thượng Thừa",*** tự xưng kinh sách của mình là trên hết, không có kinh sách nào bằng.

Dù Thánh Hiền, chư Phật, chư Bồ Tát, tất cả phàm phu và chúng sanh đều từ nhân quả sanh ra. Mà đã từ nhân quả sanh ra thì không sống trong hành động thiện, ác sao?

Hành động thiện không phải là đạo đức sao? Và hành động ác không phải là phi đạo đức ư?

Toàn bộ "giới luật" của Phật đều dạy chúng ta phải sống và hành động đạo đức làm người, làm Thánh nhân, làm Phật. Cớ sao những người thiếu hành động đạo đức mà chúng ta lại xem họ như Phật. Họ chỉ có một vài thần thông tưởng lòe

bịp thiên hạ, chứ đức hạnh chẳng ra gì, thì làm gì ai cung kính tôn trọng ho.

Sạo mọi người vô minh điên đảo, hễ thấy ai có chút ít thần thông đều cho họ là Phật, Thánh, Tiên cung kính và lễ bái, cúng dường trong khi những hành động đạo đức của họ chẳng ra gì, còn tệ hơn người phàm phu là khác nữa.

Phật và Thánh đều là những con người phàm phu tu tập trau dồi thân tâm xa lìa ác pháp không còn xảo quyệt, gian ngoa, lừa đảo, luôn luôn sống trong hành động đạo đức, thì mới gọi là Thánh nhân, Phật. Có đâu dùng những lời hoa mỹ cao thượng như: ***"tự tại vô ngại, chấp giới, thõng tay vào chợ, đói ăn khát uống mệt ngủ liền",*** khiến cho những người chưa hiểu đạo đức nhân quả của Phật, dễ bị lầm lạc, họ tưởng những người này là bậc Thánh cao thượng dám hy sinh mình vì mọi người, chịu khổ đau vì nhân loại, vì loài người dẹp bỏ cá nhân mình thật là vĩ đại. Nhưng trong cái vĩ đại đó, là không vĩ đại gì hết. Vì ai đã làm ác thì người đó phải chịu gánh quả khổ không thể ai gánh vác được cho ai, dù kẻ đó Thánh, Thần, chư Phật, chư Bồ Tát cũng không thể gánh chịu cho ai được, thế mới gọi là công bằng, công lý. Còn có người chịu thay thế được quả khổ đau cho kẻ khác, thì trên thế gian này con người làm sao có một đạo luật gọi là công bằng và công lý được? Nếu có người chịu khổ cho kẻ khác thì thế gian này sẽ ra sao? như trên đã nói.

Nếu trên thế gian này không có một đạo luật công bằng như đạo luật nhân quả, thì con người chỉ còn là loài ác thú, một loài ác quỷ mà thôi.

Vì thế, những lời nói chịu khổ cho nhân loại là lời lừa đảo, bịp người với những người còn đang sống trong giấc mơ ***"siêu hình".*** Thế giới siêu hình chịu khổ cho loài người hay mang lại tai họa cho loài người!?

Chúng ta là những người còn phàm phu tục tử, còn sống trong cảnh đối đãi, nên chỉ biết ở trong cảnh đối đãi mà tu tập trau dồi đạo đức như thế nào, để cùng sống chung nhau, đối xử với nhau mà tâm hồn thanh thản, an lạc, không làm khổ mình, khổ người thì đó là chân hạnh phúc của loài người và đó cũng là sự giải thoát của đạo Phật. Giải thoát chung cho loài người, chứ không riêng như kinh Duy Ma Cật chỉ dành cho những bậc Bồ Tát, Chư Phật và Thánh Hiền với trí tuệ ***"Bất Nhị".***

Nhìn chung các tôn giáo hiện có mặt trên thế gian này đều xây dựng cho loài người một thế giới tuyệt vời ***"bất nhị".*** Cái thế giới ấy rất xa vời với loài người, vì con người không thể với tới, không thể có trí tuệ: ***"Nhất nguyên"*** đó được, chỉ có những bậc Thánh, Hiền như Bồ Tát Duy Ma Cật trong kinh sách phát triển mà thôi. Thậm chí như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng còn sống phạm hạnh trong đạo đức nhân quả, vì thế Ngài còn thua xa Bồ Tát Duy Ma Cật. Chính Đức

Phật Thích Ca Mâu Ni Ngài cũng không dám sống trong pháp môn ***"Bất Nhị"*** vì đó là pháp môn phi đạo đức.

Những bậc Thánh ***"Bất Nhị"*** này lý luận mơ hồ, trừu tượng, ảo tưởng, hư tưởng, tưởng giải, chỉ là giấc mộng đẹp của Bà La Môn Giáo mà thôi.

Nhìn chung giáo lý của các tôn giáo đều xây dựng cho loài người một giấc mơ đẹp để an ủi tinh thần con người trong cuộc sống lầm than và nhiều đau khổ hơn là trên thực tế giải khổ cho họ. Ngoài những giáo lý ấy, có một thứ giáo lý khác được mang một cái tên nhỏ bé ***"Tiểu Thừa Phật Giáo".***

Tiểu Thừa Phật Giáo chỉ mang một cái tên như vậy cũng đủ khiến cho người ta xem thường, coi rẻ, người ta tưởng tượng trong đầu giáo pháp đó chẳng ra gì, chẳng bằng ai, không cao siêu, vi diệu, nhỏ mọn, hạn hẹp, tầm thường chẳng có gì để cho mọi người đáng quan tâm.

Chính chúng tôi trong những ngày đầu mới xuất gia tu học theo Phật, thấy kinh sách Tiểu Thừa Phật Giáo là chúng tôi cũng có tư tưởng không muốn đọc và cũng không muốn tu theo nó nữa.

Các bậc Thầy tổ thường ca ngợi kinh sách phát triển, khuyên chúng tôi nên học, đọc và tu theo những bộ kinh như: Pháp Hoa Kinh, Thủ Lăng Nghiêm Kinh, Viên Giác Kinh, Qui Nguyên Kinh, Đại Bửu Tích Kinh, Huê Nghiêm Kinh, Pháp Bảo Đàn Kinh v.v..

Khi học và đọc những bộ kinh này, chúng tôi thấy nó quá vĩ đại, lý luận tuyệt vời, chỉ rõ bản thể con người rất cụ thể, nếu không có kinh sách này dạy thì khó mà ai nhận ra được ***"Phật Tánh"*** từ đó chúng tôi tin kinh sách này như là của báu.

Các Tổ, các bậc Tôn Túc và các Thầy từ bao nhiêu thế kỷ nay đã bị kinh sách này lừa đảo khiến tu hành lầm lạc, cứ tu theo các pháp môn đó mà tu chẳng đi đến đâu cả, kết quả cũng chẳng có gì, chỉ có cảm giác an lạc của dục tưởng xúc và cuối cùng thì có một vài thần thông tưởng, các Thầy Tổ đã tự mãn nguyện, hoặc thấy sắc tưởng, thanh tưởng, phát hiện thấy trước mắt và tiếng nổ trong tai là tự cho mình tu chứng đạo. Con đường tu như vậy thật là đau lòng, họ không biết chứng đạo là chứng cái gì? Hay chỉ cần nói: ***"Vô sở đắc"*** là đủ mãn nguyện tu hành.

Phật tánh, thần thông, các cảnh giới siêu hình: xuất hồn, nhập định, hay là tự tại vô ngại, ngũ uẩn giai không, phản bổn hoàn nguyên, phủ trùm vạn hữu, v.v.. đó chỉ là sống trong thế giới tưởng của tưởng tri.

Ngộ nhận những trạng thái tưởng này cho là chứng đạo, nên các Ngài truyền thừa với nhau về phương Bắc, nhưng vì danh lợi, nên hùng cứ một phương chia ra làm năm tông bảy phái (Thiền Tông Trung Quốc).

Đến Việt Nam Thiền Tông thành lập ra phái Thảo Đường, Trúc Lâm, Liễu Quán v.v.. Nhưng tên thì có khác, khuôn Thiền Đông Độ thì không có gì khác cả, đều phỏng theo khuôn mẫu của Trung Quốc.

Đến thời đại chúng ta vẫn phát triển đều đều, người tu thì đông vô số kể, mà đạt được thì chẳng có gì, chỉ là một trò lừa đảo bịp bợm người mà thôi. Truyền thừa với nhau từ đời này sang đời khác lúc thịnh lúc suy, nhìn chung chẳng có ai tu đến đâu cả, chỉ là diễn xuất tuồng hát trên sân khấu, hết màn Tịnh Độ Tông, đến màn Thiền Tông; hết màn Thiền Tông, đến màn Mật Tông; hết màn Mật Tông, đến màn Pháp Hoa Tông v.v.. Cứ những Tông này diễn tới diễn lui chẳng có gì mới mẻ cả.

Người truyền Đạo thì cũng chẳng biết mình truyền đúng hay sai của đạo Phật, người tu thì lại nhắm mắt tu đùa, chẳng cần suy nghĩ xem xét kỹ lưỡng, chỉ nghe Đại Thừa, Tối Thượng Thừa là ngon lành, là siêu việt, còn những loại kinh sách Tiểu Thừa Nguyên Thủy thì xem chẳng ra gì, liệt kê những loại kinh sách này là ngoại đạo.

Lúc chúng tôi mới bước vào chùa tu hành, thích học được kinh sách Đại Thừa và thích tu thiền Tối Thượng Thừa, xem kinh sách Tiểu Thừa A Hàm như đồ bỏ (ngoại đạo) mà trong kinh Phạm Võng Bồ Tát giới đã cấm không cho học và tu giáo lý này.

Tu như ông Xá Lợi Phất và ông Mục Kiền Liên, tiên nữ rắc hoa còn dính mắc, các Ngài chỉ là hàng Thinh Văn không bằng Bồ Tát và Phật, uổng công tu hành chỉ ở những bậc thấp lè tè. Đối với Phật giao phát triển lời dạy của đức Phật là ngoại đạo, sao bằng kinh sách Đại Thừa của các Tổ biên soạn ra dạy: kiến tánh thành Phật, nhanh chóng như trở bàn tay.

Đó là quan niệm hết sức sai lầm của chúng tôi, do bị ảnh hưởng kinh sách phát triển. Vì Thầy Tổ truyền dạy cho nhau không ngoài kinh sách phát triển thì làm sao chúng tôi biết đâu là kinh sách Phật, đâu là kinh sách của Bà La Môn ngoại đạo.

Xương minh pháp môn Tịnh Độ, Tổ Vĩnh Minh Diên Thọ lại còn khuyến cáo người hơn nữa bằng những từ ngữ rất kiêu: ***“Người tu Thiền mà không tu Tịnh Độ 10 người chưa được một người tu chứng”. “Người tu thiền mà tu thêm Tịnh Độ như cọp mọc sừng 10 người đều chứng cả”.***

Tịnh Độ còn dùng những lời lẽ cám dỗ. Những lời lẽ ở trên đã đưa đường dắt tín đồ một cách có thủ đoạn. Tịnh Độ Tông cho rằng thời đại chúng ta là thời đại mạt pháp, loài người sắp tận thế chỉ có pháp môn Tịnh Độ tu hành dễ chứng và tu chưa chứng đạt cũng được đức Phật A Di Đà rước về cõi Cực Lạc rồi tiếp tục tu hành.

Sau những năm tháng tu hành với hoài bão làm chủ sanh, già, bệnh, chết, chấm dứt sự khổ đau của kiếp người. Nhưng bị các pháp môn của các hệ phái phát triển lừa đảo, đã phí hết thời gian của tuổi thanh xuân. Hơn nửa đời người đem hết sức lực tu hành theo các pháp môn đó, chúng tôi kiến giải (triệt ngộ) được tất cả các công án và đang sống trong trạng thái tĩnh lặng, biết bao nhiêu trạng thái tưởng xảy ra, như thần thông biết chuyện quá khứ vị lai, dù biết như vậy, nhưng xét kỹ chúng tôi cũng chưa làm chủ sanh, già, bệnh, chết.

Chúng tôi đã trở về với pháp môn Tiểu Thừa may ra, hy vọng còn làm chủ được thân tâm.

Chúng tôi sống độc cư, sống đời sống trầm lặng, sống đúng giới luật không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào, với đời sống thiểu dục tri túc, chỉ xin cơm ngày một bữa mà thôi, chẳng có mong cầu gì khác.

Chúng tôi tu pháp Tứ Chánh Cần, Tứ Niệm Xứ và Tứ Thánh Định, kết quả chúng tôi hướng tâm đến Tam Minh, chỉ trong vòng sáu tháng với một nhiệt tâm nồng cháy; với một nghị lực dũng mãnh; với một ý chí sắt đá kiên cường, chúng tôi thành tựu, làm chủ sự sống chết, tâm chẳng hề dao động trước bất cứ một đối tượng nào.

Từ đó, chúng tôi xác định rõ, kinh sách phát triển là của tôn giáo khác hoặc bị thế tục hóa tôn giáo, với dụng tâm của các vị Tỳ Kheo giáo sĩ Bà La Môn, thâm ý sâu độc muốn diệt trừ Phật giáo tận gốc. Chỉ vì Phật giáo tồn tại và phát triển thì các tôn giáo khác không phát triển được mà còn có thể bị diệt vong.

Tại sao vậy?

Tại vì Phật giáo đập phá thế giới siêu hình, hủy diệt thần quyền sáng tạo đem lại cho loài người một nền đạo đức giải thoát không làm khổ mình, khổ người, biến cảnh thế gian thành Thiên Đường, Niết Bàn. Đó là một chân lí đi ngược lại giáo điều giáo lý của các tôn giáo, làm cho họ không còn đất đứng trên hành tinh này, chỉ còn có nước di cư lên cung trăng sao hỏa, sao mộc mà xây dựng Niết Bàn, Cực Lạc, Thiên Đàng v.v..

Đạo Phật và các tôn giáo khác không thể đi chung nhau một đường. Vì các tôn giáo khác có thế giới siêu hình, có thần quyền sáng tạo, có cảnh giới mơ hồ, trừu tượng, ảo huyền, có cuộc sống sau khi chết. Ngược lại, Phật giáo thiết thực và cụ thể hơn nhiều, không có thế giới siêu hình, không có thần quyền sáng tạo, không có thế giới mơ hồ, trừu tượng, ảo huyền và không có cuộc sống sau khi chết.

Nếu chánh pháp và đạo đức nhân bản – nhân quả của Phật giáo, được phổ biến sâu rộng, khiến mọi người am tường và thực thi sửa đổi thói hư tật xấu, thì xã hội loài người mới sống đúng đời sống công bằng, bác ái, thì các tôn giáo khác làm sao còn có chỗ đất đứng trên hành tinh này như trên đã nói.

Thấy rõ điều lợi hại này, nên bằng mọi giá, các tôn giáo khác đều ước muốn biến dần Phật giáo thành một tôn giáo chấp ngã, có bản thể vạn hữu (Phật tánh, Đại ngã) và còn đạo đức của Phật giáo thì biến thành một thứ đạo đức nhân quả mê tín, để Phật giáo cũng giống như các tôn giáo khác trên hành tinh này.

Cho nên, câu nói ***"Bồ Tát bệnh vì chúng sanh bệnh"*** cũng là một câu nói lừa đảo phi đạo đức, nhằm để lường gạt những người chưa hiểu đạo đức nhân quả thiện ác của Phật giáo. Chứ không thể lừa đảo, lường gạt những người có giới đức và giới hạnh của Phật giáo được.

Hiện giờ, mọi người chưa ai thông suốt đạo đức nhân quả và luật nhân quả, kinh sách nhân quả Phật giáo phát triển là loại kinh sách mê tín, dị đoan. Đó toàn là kinh tưởng, hiện nay tín đồ Phật giáo phát triển họ đặt trọn lòng tin những vị Bồ Tát. Vì những vị Bồ Tát này thường ban phước lành và cứu khổ cứu nạn, cùng chia sẻ những sự đau khổ của chúng sanh. Không ngờ sự cứu khổ, cứu nạn và chia sẻ sự đau khổ với chúng sanh, là một điều không thể làm được, không thể làm được là vì luật nhân quả rất công bằng và công lý, cho nên hành động cứu khổ và chia sẻ khổ nạn là phi đạo đức, làm mất công bằng và công lý, trong kiếp sống của loài người.

THẾ GIỚI SIÊU HÌNH

Câu hỏi của Cô Châu

Hỏi: *Kính thưa Thầy, theo Đạo Phật Thầy đã giảng là không có thế giới siêu hình, nhưng trong các kinh Nguyên Thủy, Đức Phật đã dạy, có 33 cõi Trời và các cõi địa ngục, cõi ngạ quỷ, A Tu La, súc sanh, và cõi Người, như trong kinh có thuật lại:*

“Một hôm Đức Thế Tôn cùng tôn giả A Nan đi khất thực, trên đường về, tôn giả A Nan thấy đức Phật mỉm cười, nên lấy làm lạ, muốn thưa hỏi Phật liền, nhưng giới luật Phật cấm, “Chẳng đặng nói chuyện trên đường đi”. A Nan chờ sau khi thọ thực xong, Ngài đến thưa hỏi Phật: “Kính bạch Thế Tôn, trong lúc đang đi khất thực về, có duyên cớ gì mà Như Lai mỉm cười?

Đức Phật bảo:

“Trên đường đi khất thực về ta thấy trên trời có một loài ngạ quỷ đang đói khổ, sau lưng bị một đoàn ó theo cắn rỉa, thật là đau khổ”.

Kính bạch Thầy, có phải cảnh giới này là địa ngục không? Nếu quả có địa ngục thì phải có đời sống sau khi chết. Nếu có đời sống sau khi chết thì phải có thế giới siêu hình?

Và đây là câu chuyện thứ hai:

“Vào lúc cuối đêm, đến chỗ Đức Phật ngự có một Thiên nữ Câu-Ca-Ni có dung sắc tuyệt diệu, cúi đầu lễ dưới chân Phật, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp tịnh xá Sơn Cốc. Thiên nữ đọc lên một bài kệ. Khi Đức Phật nghe xong bảo Thiên nữ:

– “Đúng thế! Đúng thế!”

“Thiên nữ Câu Ca Ni nghe Phật khen, hoan hỷ cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi biến mất”.

Thưa Thầy, câu chuyện trên đây trong kinh Tạp A-Hàm tập IV trang 483 kinh số 1.271. Theo bài kinh này như vậy có cõi Trời, có cõi Trời tức là có thế giới siêu hình, có thế giới siêu hình, tức là có sự sống sau khi chết. Xin Thầy dạy rõ cho chúng con hiểu?

Đáp: Đã từ lâu, cũng chỉ vì thế giới siêu hình điên đảo này, Thầy đã xác định nhiều lần không có thế giới siêu hình, mà chỉ có thế giới siêu hình tưởng. Thế mà đến giờ này các con vẫn chưa đủ niềm tin hay sao?

Sự thật thế giới siêu hình không có, nhưng biết nói làm sao cho các con tin. Một thế giới siêu hình đã ăn sâu vào lòng người, từ khi con người có mặt trên hành tinh này, với một tưởng thức của con người tạo ra. Đó là một điều không thể trách được các con ạ! Các hiện tượng của thế giới siêu hình tưởng hằng ngày đang diễn biến chung quanh cuộc sống con người thì thử hỏi làm sao người ta tin rằng không có thế giới siêu hình.

Thêm vào các tôn giáo và cả Phật giáo Đại Thừa đều xác định có thế giới siêu hình thì dù tiếng nói của Thầy có thật sự đi nữa là không có, cũng khó có ai tin theo được. Đức Phật đã dạy kinh Ngũ Uẩn, kinh Thập Nhị Nhân Duyên mà Thầy đã giảng, nhưng các con chưa đủ niềm tin. Bây giờ Thầy sẽ dẫn chứng một bài kinh khác cụ thể rõ ràng hơn chính lời Phật đã dạy: ***"Bài kinh Pháp Môn Căn Bản"*** trong kinh Trung Bộ tập I trang 9.

- "Này các Thầy Tỳ Kheo. Ta sẽ giảng cho các Người: "Pháp môn căn bản tất cả pháp".

"Này các Thầy Tỳ Kheo! Ở đây có kẻ phàm phu ít nghe, không được thấy các bậc Thánh, không thuần thục pháp của các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không được thấy các bậc chân nhân, không thuần thục pháp các bậc chân nhân, không tu tập pháp các bậc chân nhân, tưởng tri đại địa là đại địa. Vì tưởng tri đại địa là đại địa, người ấy nghĩ đến đại địa (là có thật). Nghĩ đến (tự ngã) đối chiếu với đại địa thì tự ngã có thật. Cho nên, người ấy nghĩ "Đại địa là của ta" sanh ra ưa thích chấp đắm đại địa. Vì sao vậy? Ta nói người ấy không liễu tri đại địa.

Người ấy tưởng tri thủy đại là thủy đại. Vì tưởng tri thủy đại là thủy đại người ấy nghĩ đến thủy đại (là có thật) nghĩ đến tự **ngã đối chiếu với thủy đại thì tự ngã là có thật, cho nên người ấy nghĩ "Thủy đại là của ta" sanh ra ưa thích chấp đắm thủy đại. Vì sao vậy? Ta nói người ấy không liễu tri thủy đại.**

Người ấy tưởng tri hỏa đại là hỏa đại: Vì tưởng tri hỏa đại là hỏa đại, người ấy nghĩ đến hỏa đại (là có thật) nghĩ đến tự **ngã đối chiếu với hỏa đại thì tự ngã là có thật, cho nên người ấy nghĩ hỏa đại là của ta, sanh ra ưa thích chấp đắm hỏa đại. Vì sao vậy? Ta nói người ấy không liễu tri hỏa đại.**

Người ấy tưởng tri phong đại là phong đại. Vì tưởng tri phong đại là phong đại, **người ấy nghĩ đến phong đại (là có thật), nghĩ đến tự ngã đối chiếu với phong đại là tự ngã có thật, cho nên người ấy nghĩ phong đại là của ta, sanh ra ưa thích, chấp đắm phong đại. Vì sao vậy? Ta nói người ấy không liễu tri phong đại.**

Người ấy tưởng tri sanh vật là sanh vật. Vì tưởng tri sanh vật là sanh vật, người ấy nghĩ đến sanh vật (là có thật), nghĩ đến tự ngã đối chiếu với sanh vật thì tự ngã có thật, cho nên, người ấy nghĩ "sanh vật là của ta'' sanh ra ưa thích chấp đắm sanh vật. Vì sao vậy? Ta nói người ấy

không liễu tri sanh vật".

Đọc qua những lời dạy của đức Phật trên đây, chỉ cho thế giới hữu hình của chúng ta là thế giới tưởng. Tưởng đất đai, sông, núi, cây, cỏ, vạn vật là có thật. Vì tưởng nó có thật nên con người sanh ra chấp đắm, ham thích, rồi mới tranh chấp đấu tranh, giành giựt của cải, tài sản, đất đá, sông, rạch, núi, rừng, vàng, bạc, châu, báu v.v.. Giết người, cướp của, dùng mọi thủ đoạn phương tiện lừa đảo, lường gạt người bằng mọi cách, thậm chí có kẻ lợi dụng ngay cả tôn giáo, buôn Phật, bán Pháp, buôn Thần, bán Thánh v.v..

Do chỗ không hiểu thế giới hữu hình là thế giới tưởng nên mới sanh tạo ra nhiều thứ dính mắc và tạo biết bao nhiêu sự đau khổ cho mình, cho người, từ kiếp này đến kiếp khác và mãi mãi chịu khổ đau vô cùng tận, cũng chỉ vì ***"tưởng tri của loài người".***

Đức Phật đã thấy thế giới hữu hình của con người là thế giới tưởng, cách đây 2542 năm, Người đánh tiếng chuông cảnh tỉnh cho mọi người, thế giới hữu hình là thế giới tưởng, nhưng ai là người đã tin Ngài. Nếu không phải là người tu đúng giáo pháp của Người thì làm sao tin được thế giới này là thế giới tưởng.

Thế giới hữu hình là thế giới tưởng thì thế giới vô hình làm sao có thật, thế giới vô hình là bóng dáng của thế giới hữu hình, đã là bóng dáng thì làm gì có sự sống sau khi chết, đó chẳng qua chỉ là một ảo tưởng của loài người mà thôi.

Cho nên, hiện giờ các tôn giáo trên thế gian này, ngay cả Đại Thừa Phật Giáo cũng thấy thế giới hữu hình này là thế giới tạm bợ không có thật, vì mọi vật đều vô thường, như lời đức Phật đã dạy qua bài kinh trên ***"Pháp môn căn bản".*** Từ đất, đá, cỏ, cây và tất cả sinh vật đang sanh sôi nảy nở trên hành tinh này đều do tưởng tri của chúng sanh, tưởng là có thật, chứ thực ra thế giới hữu hình này là thế giới duyên hợp. Mọi vật có mặt (vạn hữu) trên hành tinh này đều do duyên hợp mà thành, mọi vật (vạn hữu) hoại diệt đều do duyên tan rã mà hoại diệt, không có một vật nào thường còn bất biến, toàn là vạn vật đều vô thường.

Chỉ vì người thế gian với trí hữu hạn không thấu rõ thế giới hữu hình này cho là thật có. Đối với người có trí vô hạn thì thế giới hữu hình là thế giới tưởng của loài người. Nhưng các tôn giáo kể cả Đại Thừa Giáo cũng cho thế giới hữu hình là không thật, nhưng lại xây dựng một thế giới vô hình có thật, thì đó là đi ngược lại Phật giáo. Phật giáo cho thế giới vô hình là thế giới tưởng tri (không có).

Cũng trong bài kinh Pháp Môn Căn Bản trong Trung Bộ kinh tập 1 trang 11 kinh dạy: ***"Người ấy tưởng tri Phạm thiên là Phạm thiên… Người ấy tưởng tri***

Quang âm thiên là Quang âm thiên… Người ấy tưởng tri Biến tịnh thiên là Biến tịnh thiên… Người ấy tưởng tri Quảng quả thiên là Quảng quả thiên…. Người ấy tưởng tri Abhibhù (Thắng giả) là Abhibhù…. Người ấy tưởng tri Không vô biên xứ là không vô biên xứ thiên… Người ấy tưởng tri Thức vô biên xứ là Thức vô biên xứ thiên… Người ấy tưởng tri vô sở hữu xứ là vô sở hữu xứ thiên… Người ấy tưởng tri Phi tưởng phi phi tưởng xứ là Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiên… Người ấy tưởng tri Sở kiến là Sở kiến… Người ấy tưởng tri Sở văn là Sở văn… Người ấy tưởng tri Sở tư niệm là Sở tư niệm… người ấy tưởng tri Sở tri là Sở tri… Người ấy tưởng tri Đồng nhất là Đồng nhất… Người ấy tưởng tri Sai biệt là Sai biệt…. Người ấy tưởng tri Tất cả là Tất cả…. Người ấy tưởng tri Niết Bàn là Niết Bàn… Vì tưởng tri Niết Bàn là Niết Bàn người ấy nghĩ đến Niết Bàn (là có thật), nghĩ đến tự ngã đối chiếu Niết Bàn (thì tự ngã có thật nhập Niết Bàn) cho nên, người ấy nghĩ "Niết Bàn là của ta" sanh ra ưa thích chấp đắm Niết Bàn (dục hỷ). Vì sao vậy? Ta nói người ấy không liễu tri (không hiểu, không biết) Niết Bàn."

Phật giáo không chấp nhận thế giới hữu hình là có thật tri mà chỉ là tưởng tri, đến thế giới siêu hình các cõi trời địa ngục và Niết Bàn cũng là tưởng tri chứ không phải thật tri.

Vì, thế giới siêu hình là bóng dáng của thế giới hữu hình như trên chúng tôi đã nói. Vì thế, con người hữu hình như thế nào thì thế giới siêu hình con người giống như thế nấy, tất cả núi, sông, đất, đá, cây, cỏ, thảo, mộc, nhà, cửa, đền, đài, cung, điện đều giống thế giới hữu hình. Chỉ khác hơn ở thế giới hữu hình là không có không gian và thời gian mà thôi.

Bởi vậy, những người ông lên, bà xuống, nhập đồng, nhập xác, nói chuyện quá khứ, vị lai, chỉ nơi siêu mồ, lạc mả cho người lấy cốt đều đúng không sai một mảy, là nhờ tưởng uẩn không có không gian và thời gian, nhưng khi tưởng uẩn hoạt động thì biết đúng, nói không sai, còn khi tưởng uẩn không hoạt động thì không biết, thường nói sai.

Do chỗ nói chuyện quá khứ, vị lai không sai, khiến người ta tin rằng có linh hồn người chết, ông này, bà kia, cậu nọ nhập xác, lên đồng, nhập cốt v.v..

Bởi tưởng uẩn làm việc như vậy người ta không rõ, rồi tin rằng có thế giới siêu hình thật sự.

Từ tưởng tri thế giới hữu hình là thật có người ta đã mang đến cho chính mình mọi sự khổ đau cho đến ngày nằm xuống lòng đất, xuôi tay vẫn còn đau khổ, thế mà có ai biết rõ điều này, mọi người đếu vô minh, ngay đến những nhà khoa

học cũng đành bó tay không giải thích được vì các hiện tượng kỳ lạ mà mọi người đều phải chấp nhận thế giới siêu hình, cho nên thật khó cho ai không tin thế giới siêu hình là không có.

Sự sợ hãi và sự đau khổ do các hiện tượng thời tiết của thế giới hữu hình mới khiến con người tạo ra thế giới siêu hình để có sự phò hộ che chở giúp cho tinh thần con người được an ổn, bớt sợ hãi.

Từ khi sản xuất ra thế giới siêu hình, mọi người luôn tin tưởng có sự gia hộ, che chở, ban phước, giáng họa, nhưng sự thật, không thể phò hộ, gia bị, giáng họa, ban phước cho ai cả, chỉ con người tưởng ra để an ủi tinh thần như vậy mà thôi.

Cho nên, sự tưởng ra thế giới siêu hình lại còn tạo thêm một lớp khổ cho con người nữa, đã khổ vì thế giới hữu hình dính mắc trói buộc các pháp thế gian, rồi lại bị lường gạt bởi thế giới siêu hình nữa. Do đó có một số tà sư, ngoại đạo lợi dụng sự vô minh và lòng mê tín này tạo ra các vị thần linh để khiến con người tôn sùng, cung kính, sợ hãi và chịu biết bao nhiêu tốn hao tiền của và giết hại sanh linh, làm tội ác thêm để cúng bái, tế lễ, cầu khẩn, van xin v.v..

Cách thức làm ăn của bọn tà sư, ngoại đạo này có hiệu quả làm giàu trên xương máu của kẻ khác không phí sức lao động, chỉ cần tụng đọc ê a, hoặc vẽ bùa, đọc chú, ợ, ợ, ngáp, ngáp nói bậy bạ là hốt tiền bạc của những kẻ đang gặp nhân quả nghiệp báo xấu, nặng nề, trong lúc quá khổ đau, quá sợ hãi trước tai họa hiểm nghèo, trước bệnh tật nan y, trước sự sống chết như chỉ mành treo chuông, trí óc không còn sáng suốt. Lúc bây giờ, bọn thầy lừa đảo này nói sao họ nghe vậy, họ làm tiền một cách dễ dàng (ngồi mát ăn bát vàng).

Lại có một số tà sư ngoại đạo khéo léo hơn, dùng ba tấc lưỡi lý luận như Trương Nghi – Tô Tần thời Lục Quốc bên Trung Hoa, pháp môn này, pháp môn nọ, triết lý này triết lý kia, chân lý này chân lý nọ, lường gạt những kẻ vô minh chạy theo pháp này, chạy theo pháp kia tu tập để chứng đạt chân lý này chân lý khác.

Từ xưa đến nay, ai là người đã đi tìm chân lý thoát khổ? Chân lý ấy được bao nhiêu người đạt được? Hay chỉ là một lý luận suông?

Tại sao các người không nói thật? Để biết bao nhiêu con người phải mất công, mất của và còn tốn biết bao công lao khổ công tu tập mà chẳng được những gì. Từ tôn giáo này đến tôn giáo khác, từ pháp môn này đến pháp môn khác, để nuôi một hy vọng hão huyền giải thoát, Thiên Đường, Cực Lạc, Niết Bàn v.v..

Danh lợi ở thế gian có nhiều việc làm nên danh, nên lợi mà rất ***"thiện".*** Tại sao các người không làm việc kia mà lại làm việc này, để lường gạt người khác chi

vậy. Biết bao nhiêu thế hệ con người đã qua, họ đã chạy theo tu hành và rèn luyện thân tâm, nhưng họ được những gì ở các chân lý ảo tưởng ấy?

Trong khi đó họ đã đổ biết bao nhiêu mồ hôi, công lực, tiền của và công sức. Giải thoát đâu không thấy chỉ thấy khổ và khổ, cho đến lúc chết lại càng khổ hơn, (Các Hòa Thượng khi viên tịch quá khổ sở) họ chỉ mua được cái ***"danh"*** và cái ***"lợi"*** giả.

Bởi vậy, các thế giới siêu hình tưởng, tai ương bệnh tật đều là tưởng, Thần, Thánh, Tiên, Phật cũng đều là tưởng, pháp môn tu hành cũng đều là tưởng, vì thế cái khổ của con người cũng hoàn lại cái khổ.

Do đó, Phật giáo ra đời quyết đập tan tành cái thế giới hữu hình duyên hợp và xé nát cái thế giới siêu hình tưởng. Giống như một vị Thần để đem lại sự công bằng và công lý cho loài người, giúp họ sống an vui, thanh thản và hạnh phúc. Tạo sự sống an vui trên hành tinh này là một cảnh giới Thiên Đàng.

Bài pháp Thân Ngũ Uẩn, Thập Nhị Nhân Duyên, Pháp Môn Căn Bản trong tạng kinh Nikaya và kinh A Hàm không đủ để chứng minh đập phá thế giới siêu hình và hữu hình này sao?

Nếu đập phá được cả hai thế giới này, thì sẽ mang lại cho con người một đời sống thoải mái, thanh thản, an lạc và hạnh phúc. Bằng ngược lại, thì con người phải chịu khổ vô cùng tận và vô lượng kiếp.

- "Trên giường bệnh hấp hối của một vị quan sát thủ, được nhà vua đến thăm căn dặn ông nhiều lần: "Khanh là một vị quan chuyên môn giết người" như vậy khanh phải đọa địa ngục, khi vào địa ngục, bằng mọi cách khanh về báo cho trẫm biết, khanh đã xuống địa ngục và địa ngục có thật, khanh nhớ kỹ lời trẫm, đừng phụ lòng trẫm. Vị quan sát thủ gật đầu và xin hứa.

Nhà vua căn dặn xong chẳng bao lâu vị quan này chết.

Chờ mãi, chờ mãi từ 1 tháng đến một năm rồi đến 3 năm mà chẳng có tin tức gì cả. Nhà vua đến một vị Đạo sư hỏi:

- "Thưa Ngài, Ngài nói có địa ngục, trẫm có một vị quan sát thủ trước khi chết trẫm đã căn dặn đôi ba lần: "Khi xuống địa ngục, bằng mọi cách khanh hãy về báo cho trẫm biết, nhưng đến nay đã ba năm rồi chẳng có tin tức gì cả, như vậy theo trẫm nghĩ "chẳng có địa ngục".

Vị Đạo sư trả lời:

- "Tâu bệ hạ, vị quan ấy là tội nhân làm sao có quyền đi lại được để về báo cho bệ hạ hay".

Nhà vua gật đầu chấp nhận ra về, sau ba năm nhà vua trở lại thăm vị Đạo sư và hỏi:

- Thưa Ngài, Ngài nói có Thiên Đàng phải không?

Vị Đạo sư tâu:

- Vâng, thưa bệ hạ, có Thiên Đàng, ai làm thiện sẽ sanh lên Thiên Đàng, ai làm ác sẽ đọa xuống Địa Ngục.

Nhà vua phán:

- Ta có một vị quan đại thần suốt đời làm thiện, làm quan thì cần kiệm, liêm chánh, chí công, vô tư, làm người thì hằng ngày thường trường chay, không sát hại sanh linh, trước giờ phút lâm chung, hấp hối trẫm đến căn dặn nhiều lần: "Khanh là một người hiền lành sống thì trường chay, chẳng hề giết hại chúng sanh, làm quan thì liêm chánh ngay thẳng, chắc chắn khi chết khanh được về Thiên Đàng. Vậy bằng mọi cách sau khi chết, nhà ngươi về báo cho ta biết có cảnh Thiên Đàng chân thật hay không? Để trẫm yên lòng".

Như thế đến nay đã ba năm mà ta chẳng được tin tức gì, chắc chắn là chẳng có Thiên Đàng."

Trong bài kinh này, Đức Phật còn xác định thêm: ***"Nếu có cảnh giới siêu hình thật thì phải có người đến và người về, đàng này đi thì có, về thì không".***

Như vậy, chứng tỏ không có thế giới siêu hình mà chỉ có một thế giới siêu hình tưởng mà thôi. Kinh Pháp Môn Căn Bản đức Phật đã dạy rất rõ ràng và cụ thể nhất.

Cho nên, trong kinh Nguyên Thủy các vị Trời đến bạch Phật cũng như Ma Vương, Ác quỷ và quỷ đói đều là cảnh giới tưởng của thế giới tưởng ấm của con người tạo ra. Tạo ra như vậy để mà chịu khổ thêm chẳng ích lợi gì cho đời sống mà còn làm hao tốn tiền của một cách vô lý.

Các tôn giáo khác, Phật Giáo phát triển đua nhau xây dựng thế giới siêu hình bằng nhiều hình thức và những xưng danh khác nhau để khéo lừa đảo con người, chứ kỳ thật cũng chỉ là thế giới tưởng mà thôi.

Nên trong kinh Pháp Môn Căn Bản Đức Phật đã xác định rõ ràng: ***"Người ấy tưởng tri Sở kiến là Sở kiến… Người ấy tưởng tri Sở văn là Sở văn.. Người ấy tưởng tri Sở tư niệm là Sở tư niệm.. Người ấy tưởng Tri sở là Tri sở.. Người ấy tưởng tri Đồng nhất là Đồng nhất.. Người ấy tưởng tri Sai biệt là Sai biệt… Người ấy tưởng tri*** **Tất cả là Tất cả… Người ấy tưởng tri Niết Bàn là Niết Bàn.."** Đó toàn là sống trong tưởng mà mọi người mấy ai biết. Trên đời chỉ có một mình đức Phật biết rất rõ.

Bởi vậy, nhìn chung các tôn giáo trên thế gian này đang xây dựng một thế giới siêu hình để thỏa mãn lòng tham vọng của loài người.

Xưa, vua Tần Thủy Hoàng vì tham vọng sống lâu, nên đã cho người đi tìm thuốc trường sanh bất tử. Theo lời dạy của các vị tu Tiên, nhưng nào có được gì đâu, chỉ hoài công vô ích.

Phương pháp tập dưỡng sinh và đạo Yoga đều tập luyện kéo dài tuổi thọ để đạt được *"Trường sanh bất tử''*, nhưng có vị nào không bệnh đau và trường sanh bất tử đâu. Cuối cùng rồi cũng bệnh đau mà chết.

Những việc làm này, con người trên thế gian ai đã làm được. Đó là một tưởng vọng của loài người, không thể thành sự thật. Như đức Phật đã dạy đó là sự tưởng tri của loài người. (tưởng tri là tưởng tri làm sao sự thật được).

Tìm mọi cách để loài người sống mãi muôn đời, nhưng không thành tựu, nên con người quay lại tìm ***"sự sống sau khi chết".*** Do đó, mới sản xuất ra cảnh giới Thiên Đàng, Địa Ngục, Bồng Lai Tiên Cảnh, Cực Lạc Tây Phương, cõi Niết Bàn, Bản Thể Vạn Hữu, Đại Ngã, Phật Tánh v.v..

Riêng đức Phật, Ngài dạy: *"Tưởng tri Niết Bàn là Niết Bàn".*

Câu nói của Ngài có một giá trị rất lớn đối với các Tôn giáo. Toàn bộ tất cả cảnh giới siêu hình của các Tôn giáo đều đối với đạo Phật là cảnh giới tưởng, không thể lừa đảo lường gạt người đệ tử của Phật được, vì đức Phật đã dạy cho các đệ tử của mình rất rõ ràng và cụ thể.

Các pháp môn của các tôn giáo này chỉ lừa đảo, lường gạt được những người vô minh, vì cuộc sống còn mang dẫy đầy tham vọng nên mới tìm tu và nghe theo các giáo phái đó mà thôi.

Sáu nẻo luân hồi chỉ là sáu trạng thái của tâm, chứ không phải sáu cõi giới gồm có từ hữu hình đến siêu hình. Sáu cõi giới ấy là:

1/ Cõi Trời

2/ Cõi Người

3/ Cõi A Tu La

4/ Cõi súc sanh

5/ Cõi Ngạ quỷ

6/ Địa ngục.

Chỉ trong một thời gian ngắn, nếu một người không biết phương pháp tu theo Phật giáo thì có thể luân hồi sáu nẻo ngay tại kiếp sống của họ.

Ví dụ: Một người đang sống trong mười điều thiện (Thập thiện) thì trạng thái tâm hồn của họ cảm nhận được sự an lạc yên vui hạnh phúc và cơ thể của họ không có một chút nào mỏi mệt, đau nhức khổ sở, mà người khác không sống đúng mười điều lành thì không thể cảm nhận biết được. Nhưng khi họ rời khỏi mười điều lành này mà chỉ còn giữ được năm điều lành (ngũ giới) thì lúc bây giờ họ luân hồi vào cõi người sự bình an của họ không bình an và an vui bằng trạng thái của cõi Trời. Trong khi họ đang ở trong trạng thái tâm cõi người họ không giữ gìn được tâm để cơn sân bừng cháy trong lòng thì ngay đó họ đã luân hồi vào cõi A Tu La.

Nếu ở trạng thái cõi người họ không giữ gìn năm giới trọn vẹn thường thiếu lòng yêu thương sự sống của muôn loài, không buông xả các pháp ác cố chấp tị hiềm, ganh đua, hơn thiệt, dâm dục, thiếu thành thật nói những lời hung ác, nói những lời vu khống, chuyện có nói không, chuyện không nói có, tâm hồn họ luôn luôn buồn phiền khổ đau lo sợ, sống bất an, đó là họ đã luân hồi vào cõi súc sanh một trạng thái khổ đau như vậy.

Từ ở trạng thái cõi người họ không giữ gìn tâm sống đúng năm giới, để tâm khởi muốn ăn, muốn uống và bụng cảm giác thấy đói khát rồi đi ăn uống phi thời, đó là họ đã luân hồi vào trạng thái cõi giới ngạ quỷ.

Từ ở trạng thái cõi người họ không giữ gìn tâm sống đúng năm giới, thường giết hại, ăn thịt chúng sanh và chạy theo khẩu vị ăn những món ăn hảo hạng ngon miệng, nhưng trong đó có chất độc, sống không yêu thương sự sống, không giữ vệ sinh chung, thường làm ô nhiễm môi trường sống, nên cơ thể dễ sinh ra nhiều bệnh tật nan y. Cơ thể bị bệnh đau nhức khổ sở, đó là luân hồi vào trạng thái địa ngục.

Cho nên, sáu nẻo luân hồi không phải là sáu cõi giới hữu hình và vô hình mà là sáu trạng thái của tâm trong một con người như trên đã nói.

Còn những câu chuyện trên, Phật đã nói với ông A Nan là những câu chuyện của tưởng uẩn lưu xuất phóng ra những hình ảnh từ trường trong không gian. Khi nào một người có tưởng uẩn mạnh tức là tưởng uẩn hoạt động thì sẽ bắt gặp những hình ảnh cảnh giới của những từ trường này. Hình ảnh này không phải là cõi giới mà là hình ảnh từ trường của những người còn sống cũng như của những người đã chết phóng xuất còn lưu giữ trong không gian.

Trong kinh Pháp Môn Căn Bản Phật đã dạy: Tất cả cõi Trời, cõi Người, A Tu La, Súc sanh, Ngạ quỷ, Địa ngục đều là tưởng tri chứ không phải liểu tri.

GIỚI LUẬT

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Tại sao tu sĩ Phật giáo hiện giờ không giữ gìn giới luật, sống phi giới luật, sống bẻ vụn giới luật. Như vậy con đường tu của họ sẽ đi về đâu? Và có ích lợi gì cho kiếp sống tu hành của họ?*

Người tu sĩ giữ gìn giới luật nghiêm túc, sống đúng Phạm hạnh, thiểu dục tri túc, phòng hộ các căn đầy đủ, con đường tu của họ sẽ đi về đâu?

Và có ích lợi gì cho kiếp sống của họ? Con cúi mong Thầy chỉ dạy để cho chúng con được rõ.

Đáp: Như Thầy đã dạy giới luật là một pháp môn tu hành của đạo Phật, chứ không phải là pháp luật của một quốc gia. Cho nên các bộ giới luật do các Tổ biên soạn thành một bộ pháp luật của Phật giáo hơn là một pháp môn tu tập để tâm được vô lậu.

Pháp môn giới luật cùng với pháp môn Thiền định và pháp môn Trí tuệ, gọi chung có tên là ***"Tam Vô Lậu Học".***

Tam Vô Lậu Học là ba pháp môn tu tập không còn lậu hoặc, tức là ba cấp tu tập trong tám lớp học sẽ chấm dứt đau khổ của kiếp người hay nói cách khác là làm chủ sanh, già, bệnh, chết của đạo Phật.

Ba pháp môn vô lậu này, kỳ thật chỉ là ba cấp học đạo đức duy nhất của Phật giáo, nên nó được chia ra làm ba giai đoạn tu tập: Giới, Định, Tuệ.

Ba cấp học này chỉ có giới luật là cấp học quan trọng nhất và tu tập khó nhất trên đường tìm cầu đạo giải thoát theo đạo Phật.

Bởi thế, người nào tu hành mà không giữ gìn giới luật, không tu giới luật, không sống đúng giới luật, thì có tu suốt đời cũng tu chẳng tới đâu, chỉ còn tu danh, tu lợi, tu tưởng, tu chùa to Phật lớn mà thôi (chẳng bao giờ có giải thoát thật sự).

Nếu không tu giới luật mà tu định, thì Thiền định đó là tà thiền, định tưởng.

Nếu không tu giới luật mà tu trí tuệ thì trí tuệ đó là tà tuệ, kiến giải, tưởng giải, là trí tuệ tích lũy, nhai lại bã mía của người xưa, thêm râu, thêm ria, vẽ rắn thêm chân.

Từ xưa đến giờ các Tổ chỉ lặp đi, lặp lại lối mòn của nhau, chỉ dùng từ hiện đại cho lạ tai mà thôi, chứ lối mòn vẫn là lối mòn, không thể nào lối mòn là đường cái được.

Như trên Thầy đã dạy, giới luật là pháp môn quan trọng nhất trong Tam Vô Lậu Học. Cho nên, vì lợi ích chúng sanh, vì muốn thoát ra sự đau khổ của kiếp người đức Phật đã dạy: ***"Vì hạnh phúc, vì lòng thương tưởng đệ tử, những việc ấy Ta đã làm xong, vì lòng thương tưởng Ta đã dạy các ngươi".***

Đây là một bài kinh mà Đức Phật đã khéo nhắc nhở cho các vị Tỳ Kheo tu tập giới luật, vì giới luật rất quan trọng trên đường cầu đạo giải thoát. Bài kinh ***"Ước Nguyện"*** Trung Bộ tập 1 trang 79 Phật dạy:

- "Này các Thầy Tỳ Kheo, hãy sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống phòng hộ với sự phòng hộ của giới bổn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chân chánh lãnh thọ và học tập các học giới".

Đoạn kinh này là lời dạy khuyên nhắc nhở của đức Phật thấm thía vô cùng, một lời khuyên từ cõi lòng vì thương tưởng chúng sanh đang sống trong cảnh khổ mà chẳng biết đường nào ra. Trên thế gian này chỉ còn có con đường duy nhất để tu tập, thoát ra sự đau khổ của kiếp người ***"Giới, Định, Tuệ".*** Không thể còn có con đường thứ hai nào khác được nữa.

Biết rất rõ điều này, trên bước đường tầm sư học đạo. Ngài đã sáu năm gian khổ, nhưng vẫn không tìm ra con đường giải thoát. Bốn mươi chín ngày dưới cội bồ đề trầm tư và nhập Tứ Thánh Định, chứng Tam Minh. Ngài đã tự tìm ra chân pháp, chân pháp ấy là thầy của Ngài, đã dẫn đường Ngài đi đến đích, thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi.

Chân pháp ấy là gì?

Chân pháp ấy là ***"Giới, Định, Tuệ".*** Ngài luôn luôn nhắc nhở chúng ta với lòng yêu thương tha thiết đối với chúng ta như con một: ***"Hãy sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống phòng hộ với sự phòng hộ của giới bổn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, chân chánh lãnh thọ và học tập các giới học".***

Thế mà người tu sĩ Phật giáo hiện giờ lại xem thường giới luật, oai nghi chánh hạnh không có, xem thường trong các lỗi nhỏ nhặt, phạm giới không biết xấu hổ, chẳng bao giờ lấy giới phòng hộ sáu căn, sống ăn uống phi thời, nam nữ trai gái kề cận chẳng biết đó là tai họa khổ đau, chẳng biết đó là con đường sanh tử luân hồi.

Bài kinh Ước Nguyện, đức Phật đã xây dựng nó trên nền tảng đạo đức nhân bản -nhân quả. Ngài không dạy chúng ta cầu nguyện mà dạy chúng ta ước nguyện.

Muốn ước nguyện được thành tựu sở nguyện thì phải sống đúng giới luật, giới luật là thiện pháp, do nhân thiện pháp thì chuyển được ác pháp. Vì thế, do nhân thiện pháp thì quả của thiện pháp là ước nguyện của chúng ta viên mãn.

Ví dụ: Một người có bệnh tật, tai nạn xảy đến hoặc tai nạn bệnh tật chưa xảy đến nhưng ước nguyện bệnh tật tai nạn sẽ chấm dứt và bệnh tật tai nạn sẽ không xảy ra, thì người ấy phải sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống phòng hộ với sự phòng hộ của giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chân chánh lãnh thọ và học tập các học giới, thì ước nguyện sẽ thành tựu.

Nếu ai giữ gìn giới luật đúng như vậy thì tai nạn, bệnh tật sẽ qua và không xảy đến. Như vậy, Ngài đã dạy chúng ta tu tập giải thoát trên nền đạo đức nhân bản - nhân quả, lấy hành động thiện làm gốc, diệt trừ mọi hành động ác và lòng ham muốn.

Trong bài kinh Ước Nguyện, Đức Phật dạy:

“- Mong rằng ta được mọi người thương mến, yêu quý, cung kính, và tôn trọng”.

“- Mong rằng ta được các vật dụng đầy đủ không thiếu hụt”.

“- Mong rằng những người bố thí cúng dường các vật dụng sẽ được quả báo và lợi ích lớn”.

“- Mong rằng những bà con huyết thống với ta, khi bệnh tật tai nạn chết, mệnh chung với tâm hoan hỷ, an lạc, được quả báo và lợi ích lớn”.

Trên đây là những ví dụ ước nguyện trong bài kinh, muốn được toại nguyện cho mình cho người thì chỉ tu tập và giữ gìn giới luật nghiêm túc.

Kinh Phật đã dạy như vậy, thế mà kinh sách phát triển lại dạy cúng tế, cầu khẩn, tụng kinh, niệm chú, niệm Phật, cầu an, cầu siêu để được tai qua nạn khỏi, bệnh tật tiêu trừ (do chư Phật, Bồ Tát từ bi gia hộ).

Kinh sách phát triển lối dạy tu tập đều cầu tha lực, (Tam bảo gia hộ) cho đến những ước nguyện cho mình, cho người đều dựa vào tha lực. Còn ngược lại, kinh sách Nguyên Thủy dạy tự lực. Muốn lợi mình lợi người thì người ấy phải tự mình tận lực sống đúng giới hạnh, nói cách khác là phải sống đúng thiện pháp không được sống trong ác pháp.

Nói chung đức Phật dạy, con người muốn có cuộc sống an vui, hạnh phúc thì phải sống có đầy đủ đạo đức không làm khổ mình, khổ người, thì được mọi toại nguyện.

Đọc qua bài kinh Pháp Môn Căn Bản ta thấy rõ Phật giáo không đi nhẩm lại lối mòn của các tôn giáo khác, tự mình vạch ra một lối đi độc đáo, tự lực, cụ thể không mơ hồ, chính xác để giải quyết kiếp sống con người, thoát ra mọi cảnh khổ, tạo thế gian, có cuộc sống con người thành một cõi Thiên Đàng, Cực Lạc.

Để chiến thắng sự ưa thích dục lạc thế gian, sự không ưa thích, sự bất toại nguyện, và sự khiếp đảm, sợ hãi, Phật dạy: ***"- Này các Tỳ Kheo, nếu Tỳ Kheo có ước nguyện: Mong rằng ta nhiếp phục lạc và bất lạc, chứ không phải lạc và bất lạc nhiếp phục ta. Mong rằng ta sống luôn luôn nhiếp phục lạc và bất lạc được khởi lên. Mong rằng ta nhiếp phục khiếp đảm và sợ hãi, chớ không phải khiếp đảm và sợ hãi nhiếp phục ta. Mong rằng ta sống luôn luôn nhiếp phục khiếp đảm và sợ hãi được khởi lên nơi Tỳ Kheo, Tỳ kheo ấy "phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn thiền định*** **(tỉnh thức), thành tựu quán hạnh (vô lậu), thích sống tại các trụ xứ không tịch (độc cư)".**

Lời dạy trên đây rất cụ thể cho người tu, muốn nhiếp phục tâm ham muốn và sợ hãi thì chỉ có giới luật và bốn pháp định, Định Chánh Niệm Tỉnh Giác, Định Niệm Hơi Thở (không gián đoạn thiền định), nội tâm tịch tĩnh (Định Sáng Suốt), thành tựu quán hạnh (Định Vô Lậu), thích sống tại các trụ xứ không tịch (độc cư).

Trong bài kinh Ước Nguyện đức Phật dạy nhập Bốn Thánh Định rất rõ ràng và dễ dàng không có khó khăn.

Vì muốn nhập Bốn Thánh Định này không khó khăn, không có ức chế tâm như các nhà học giả kiến giải dạy ra. Chỉ cần sống đúng giới hạnh và tu tập các pháp Tứ Chánh Cần, Tứ Niệm Xứ để xả tâm cho thật sạch (không còn tham sân, si, mạn, nghi) nữa, thì chỉ ra lệnh nhập thiền định nào thì nhập ngay thiền định

ấy.

“- Này các Thầy Tỳ Kheo, nếu Tỳ Kheo có ước nguyện: Mong rằng, Tỳ Kheo ý muốn, không khó khăn, không có mệt nhọc, không có phí sức, ta chứng được bốn thiền thuộc tăng thượng tâm hiện tại lạc trú, Tỳ Kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì nội tâm tịch tĩnh (Sáng Suốt Định), không gián đoạn thiền định (Thân Hành Niệm Nội Ngoại), thành tựu quán hạnh (Định Vô Lậu), thích sống tại các trụ xứ không tịch (độc cư)”.

Nếu người nào muốn tu tập thiền định của đạo Phật nhập Bốn Thánh Định, làm chủ sanh, già, bệnh, chết, không có khó khăn, chỉ cần thành tựu viên mãn giới luật, tức là sống đúng giới luật.

Xét ra từ khi đức Phật nhập diệt đến giờ, không có ai nhập được Bốn Thánh Định, chỉ vì không thành tựu viên mãn giới luật.

Nếu đã có người nào viên mãn được giới luật sống đầy đủ chánh hạnh thì Phật pháp đâu bị ngoại đạo biến thể như ngày nay và như thế này. Phật giáo ngày nay đã trở thành một tôn giáo hỗn tạp mang đủ thứ pháp môn của ngoại đạo (84 ngàn pháp môn) mà còn tự xưng những danh từ ngã mạn cống cao khác.

Như trên Phật đã dạy trong bài kinh Ước Nguyện. Từ đức hạnh làm người, sống không làm khổ mình, khổ người và khổ chúng sanh. Để đem lại sự giải thoát, an lạc, hạnh phúc cho nhau trên hành tinh này thì ***“Hãy sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống phòng hộ sáu căn với sự phòng hộ của giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chân chánh lãnh thọ và tu học các học giới thì được toại nguyện, mãn nguyện làm người có đạo đức đầy đủ”.***

Nếu muốn thành tựu những đức hạnh của bậc Thánh nhân và thực hiện thiền định làm chủ sự sống chết của bậc chân nhân mà người đời thường hay ưa thích tu thiền định, nhưng không biết thiền định nào đúng sai, cứ nghe thiền định là cứ tu, nhắm mắt tu đùa, tu không suy nghĩ đúng sai phải trái, đã mất công sức tu hành lại còn mất tiền mất của, bỏ đời sống thế gian, bỏ vợ, bỏ con, bỏ cha, bỏ mẹ, bỏ thân bằng quyến thuộc v.v.. Chỉ vì muốn thoát khỏi mọi sự đau khổ của cuộc đời, để trở thành bậc Thánh nhân, nhưng lại tu sai đường, Thánh nhân đâu không thấy, giải thoát đâu không thấy, ngẫm lại cuộc đời mình mà đau lòng, bị các nhà tôn giáo lừa đảo mà không dám nói ra, ngậm miệng tự an ủi mình, phải tu nhiều kiếp, kiếp này chưa xong thì kiếp khác tu nữa, Phật Thích Ca ngày xưa còn tu vô lượng kiếp mới thành Phật, câu này là câu an ủi nhất của những người bị lừa đảo, tu lạc tà pháp, họ muốn hy vọng hão huyền để mà hy

vọng, để mà sống.

Nhưng trong bài kinh Ước Nguyện Phật dạy tùy theo ý muốn, không có khó khăn, không có mệt nhọc, không có phí sức, ta chứng được bốn thiền, thuộc tăng thượng tâm hiện tại lạc trú.

Như vậy, thiền định tu tập đâu có khó khăn gì, thế mà người tu thiền thời nay lại tu quá khó khăn, tu mãi từ hai ba chục năm, nhưng không thành tựu. Các Tổ như Ngài Đại An 12 năm, Diệu Cao Phong 30 năm mà chỉ có triệt ngộ những công án mà thôi, còn làm chủ sanh tử thì chẳng biết gì, tâm sân hận thì vẫn còn cao ngút. Giải thoát đâu không thấy, làm chủ sanh, già, bệnh, chết đâu không thấy, chỉ thấy được mồm mép bén nhạy đối đáp như gió thổi (cơ phong). Còn một số người nữa lại tu vào các loại thiền khác, xuất hồn, Khí công, Yoga, Mật Tông luyện bùa, niệm chú, bắt ấn v.v.. Biến thành các tu sĩ này, thay vì tu giải thoát họ lại tu để làm thầy trị bệnh, trừ tà, ếm quỷ hoặc tập luyện dưỡng sinh, tức là thiền định biến thái thành phương pháp ngừa bệnh.

Thiền định thời nay biến dần thành phương pháp ngừa bệnh (dưỡng sinh) chứ đâu còn là thiền định làm chủ sự sống chết như thời đức Phật.

Nhìn sự tu hành của Phật giáo hiện giờ, ta rất buồn cười, thiền định của Phật thì dẹp qua không tu, mà lại tu thiền của ngoại đạo, chỉ vì thiền của ngoại đạo không có giới luật nghiêm túc, đời sống theo dục lạc dễ dàng, ăn uống ngủ nghỉ phi thời.

Do đó, tu mãi không kết quả, chạy sang tu các pháp môn khác như Tịnh Độ ***"vừa tu Thiền vừa niệm Phật"*** như các Tổ Vĩnh Minh, Vân Thê, Từ Vân v.v..

Có người chuyển sang Tịnh Độ hẳn chuyên ròng niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc như Tổ Tông Bổn, Khánh Anh, Thiện Hoa, Thiện Hòa v.v..

Có người chuyển sang vừa tu Tịnh Độ cầu vãng sanh vừa tu Mật Tông; có người lại chuyển sang qua hẳn Mật Tông, chuyên ròng niệm chú, bắt ấn.

Có người tu Tịnh Độ lâu ngày chẳng thấy kết quả gì chuyển qua tu Thiền Tông, lại cũng có người tu Mật Tông lâu ngày chẳng thấy linh ứng chuyển qua tu Thiền Tông. Họ chuyển qua pháp môn này, chuyển lại pháp môn kia, tu mãi từ đời này sang đời khác mà chẳng ra gì, vẫn chết trong đau khổ và còn đau khổ hơn người thế gian.

Hiện giờ người ta tu theo Phật Giáo Đại Thừa, cứ chạy theo ba pháp môn Thiền, Tịnh, Mật và chuyển qua chuyển lại tu tập, cứ thế tu tập cho đến bây giờ chẳng ai tu đến đâu, cứ loanh quanh, lẩn quẩn trong vòng lẩn quẩn, loanh quanh.

Có người tu các loại tà thiền Yoga, xuất hồn lại rơi vào trạng thái Định tưởng; có người tu Thiền Đông Độ rơi vào Pháp tưởng nên gọi là triệt ngộ.

Tịnh Độ Tông thì rơi vào sắc, thanh tưởng thấy cảnh giới Tây Phương, Phật Di Đà và Thánh chúng, thấy hoa sen, thấy tên họ được đăng ký trên hoa sen và thấy ánh sáng hào quang, nghe Phật Di Đà thuyết pháp v.v.. Đó toàn là sắc thanh tưởng.

Mật Tông thì rơi vào Tha tâm tưởng, nên biết chuyện quá khứ vị lai khiến cho mọi người quá nể phục và thường làm trò ảo thuật (thần thông) lừa đảo người.

Tất cả những sự việc đã xảy ra khiến cho người tu tưởng mình đã chứng đạo, nên trong kinh Pháp Môn Căn Bản Phật dạy: ***"Tất cả những kết quả đó là tưởng tri chứ không phải thực chứng giải thoát*** **(liễu tri)".**

Bởi vậy, một người tu tìm cầu sự giải thoát mà không sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống không phòng hộ sáu căn với sự phòng hộ của giới bổn, không đầy đủ oai nghi chánh hạnh, không thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, không chân chánh lãnh thọ và tu học các học giới, thì dù tu ngàn đời Thiền, Tịnh, Mật cũng chẳng đi đến đâu, chỉ uổng phí một đời tu hành mà thôi, rồi cũng chạy theo danh, lợi, buôn Phật, bán Pháp mà sống, sống trong cách thức lừa đảo tín đồ để ngồi mát ăn bát vàng.

Thần thông của ngoại đạo do dùng tưởng tu tập như: Yoga, Mật Tông, Khí công, Nội công v.v.. Do dùng tưởng tu tập nên có thần thông mà tâm dục chưa diệt, ác pháp chưa trừ, nên dễ sa ngã trong nữ sắc, danh, lợi thế gian v.v.. Do sa ngã nữ sắc, danh, lợi thế gian nên thần thông mất dần.

Vì vậy, có nhiều vị giáo chủ mới xuống núi, thanh sắc đầy đủ, uy nghi chánh hạnh nghiêm trang khiến cho mọi người ai cũng kính nể, lại có thần thông kêu mây, hú gió, sai binh, khiển tướng, sái đậu thành binh, tàng hình, biến hóa, đi trên nước lửa như đi trên đất bằng, ngồi trên hư không như thuyền nổi trên nước, đi xuyên qua vách đá, chôn dưới đất mà vẫn sống, đi trong hư không như chim bay v.v..

Những hành động trên đã khiến cho mọi người kính trọng, đem dâng cúng của cải, tài sản và ngay cả sắc đẹp, không có vật gì mà họ tiếc.

Thử hỏi, thần thông như vậy để làm gì, có ích lợi gì cho loài người đâu? Chỉ là một trò ảo thuật cho người ta xem chơi mà thôi, để cám dỗ những người nhẹ dạ, ham mê thần thông, chứ không thể lường gạt những người đệ tử Phật được.

Chỉ có một hành động lừa đảo gạt người, một vị đạo sư chỉ dùng một tờ báo nấu sôi một nồi nước đã làm cho mọi người kính nể. Nấu sôi một nồi nước chỉ có một tờ báo, hành động đó ích lợi gì cho con người ở thế gian. Vậy mà mọi người vô minh đều kính phục.

Các vị giáo chủ loại này tâm dục chưa trừ, ác pháp chưa diệt, nên khi thấy của cải, tài sản, sắc đẹp thì ham thích nên lần lần sa ngã và thần thông tưởng tiêu mất.

Cho nên, thỉnh thoảng báo chí Công an phát giác ra đăng tin, vị giáo chủ này, vị giáo chủ kia, ông đạo này ông đạo kia làm chuyện lừa đảo tín đồ nhẹ dạ.

Ngược lại, thần thông của đạo Phật, không do tu tưởng mà có, chỉ dùng pháp hướng như lý đạo tác ý, để ly dục, ly ác pháp, diệt ngã xả tâm, đoạn dứt tâm tham, sân, si, mạn, nghi cùng diệt sạch thất kiết sử. Do tu tập đoạn dứt những điều này mà tâm được thanh tịnh. Nhưng, phải biết rõ, muốn dùng pháp hướng tâm như lý tác ý có hiệu quả, thì phải sống đúng giới luật, lấy giới luật phòng hộ sáu căn, sống đời sống thiểu dục tri túc, oai nghi tế hạnh hẳn hòi, đi đứng trang nghiêm, đức hạnh trọn vẹn, không hề sai sót một lỗi nhỏ.

Thần thông của đạo Phật là thần thông vô dục, vô ác pháp. Người tu sĩ đạo Phật, phải biết rõ, vô dục vô ác pháp chỉ do nhờ có giới luật, mới diệt trừ được dục và ác pháp, nên trong kinh Ước Nguyện Phật dạy: ***"Nếu Tỳ Kheo có ước nguyện: "Mong rằng ta chứng được các loại thần thông, một thân ta hiện ra nhiều thân, nhiều thân ta hiện ra một thân ta, hiện hình tất cả các loài vật, biến hình đi ngang qua vách qua thành, qua núi đá như đi ngang qua hư không; ta độn thổ trồi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; ta đi trên nước không chìm như trên đất liền, ta ngồi kiết già đi trên hư không như con chim; với bàn tay ta chạm và rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy ta có thể, thân ta có thần thông bay cho đến Phạm Thiên.***

Muốn được vậy, Tỳ Kheo hãy sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống phòng hộ sáu căn với sự phòng hộ của giới bổn đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chân chánh lãnh thọ và tu học các học giới".

Qua bài kinh Ước Nguyện đối với đạo Phật, ta muốn những gì để đạt được kết quả theo ý muốn của mình, thì đều phải thực hiện tu tập và sống đúng giới luật, đó là một nền tảng vững chắc của đạo Phật, một nền tảng đạo đức thật sự của loài người. Nếu ai bỏ nền tảng đạo đức vững chắc này, dù tu tập có tu đúng thiền định của đạo Phật thì cũng trở thành tà thiền, tà định.

Tại sao vậy?

Tại vì, khi đã lìa khỏi pháp môn căn bản của đạo Phật, tức là giới luật, một pháp môn đầu tiên trong ba pháp môn vô lậu ***"Giới, Định, Tuệ"*** thì người đó dù có tu theo đạo Phật, nhưng vẫn là tu tà đạo.

Bởi vậy, nhìn tu sĩ Phật giáo hiện giờ, biết Phật giáo suy hay thịnh, mất hay còn. Không phải ở số đông tu sĩ Phật giáo, không phải ở chỗ Phật giáo được chấp nhận là quốc giáo; không phải Giáo Hội Phật Giáo được tổ chức như một quốc gia có tổ chức hẳn hoi, có các trường học từ sơ, trung, cao đẳng để tu sĩ học tập có cấp bằng cử nhân, tiến sĩ, v.v.. Cũng không phải ở chỗ xây cất chùa to, tháp lớn, kiến trúc kiên cố vĩ đại mà ở chỗ tu sĩ phải sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn sống phòng hộ sáu căn với sự phòng hộ giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt. Nói tóm lại, vị Tỳ Kheo phải giữ gìn giới luật nghiêm túc thì Phật giáo mới còn và hưng thịnh, còn chúng Tỳ Kheo phá giới thì Phật giáo mất và không hưng thịnh.

Lời di chúc năm xưa của đức Phật còn vang mãi trong tai chúng ta ***"giới luật còn là Phật giáo còn, giới luật mất là Phật giáo mất".***

Hỡi quý vị Tăng, Ni và Cư Sĩ! Quý vị có muốn Phật giáo trường tồn với loài người trên hành tinh này chăng? Hay để cho Phật giáo mai một suy tàn chìm mất trong lớp bụi mù dày đặc của tà pháp ngoại đạo đang phủ trùm che khắp.

Nếu muốn Phật giáo được trường tồn và hưng thịnh mãi mãi, đem lại hạnh phúc an vui cho loài người và mọi người trên hành tinh này không còn làm khổ mình, khổ người nữa, thì người cư sĩ đệ tử Phật tại gia hãy giữ gìn giới luật của người cư sĩ mà đức Phật đã dạy, phải nghiêm túc khi thọ Tam quy, Ngũ giới và Thập thiện, phải lấy nó phòng hộ cuộc sống của mình, giữ gìn đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, không làm khổ mình, khổ người thì Phật giáo sẽ còn với quý vị, với loài người trên hành tinh này.

Còn Tỳ Kheo Tăng và Tỳ Kheo Ni đệ tử xuất gia của đức Phật, nếu muốn Phật giáo được trường tồn, làm ngọn đuốc sáng soi đường đạo đức cho mọi người trên quả địa cầu này và để có hướng đi tìm chân lý giải thoát, thoát khỏi kiếp sống khổ đau của loài người và cũng chính ngay bản thân của quý vị. Quý vị có muốn làm chủ bốn sự khổ đau sanh, lão, bệnh, tử đang tấn công quý vị hằng giây, hằng phút không? Nếu quý vị lơ đễnh thì ô hô! uổng một kiếp người.

Nếu muốn làm chủ bốn sự khổ đau này thì quý vị đã thọ cụ túc giới phải nghiêm chỉnh sống đầy đủ giới hạnh đầy đủ giới bổn, không được bẻ vụn giới luật như các Tổ đã làm, mà quý vị đang chịu ảnh hưởng rất nặng, sống phá giới.

Quý vị hãy bỏ xuống những gì của các Tổ mà phải trở lại sống đúng như Phật, sống phòng hộ sáu căn với sự phòng hộ của giới bổn, phải đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chân chánh lãnh thọ và tu học các học giới.

--o0o--

BỐN ĐỊNH VÔ SẮC

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Từ lâu con được nghe Thầy giảng dạy về Tứ Chánh Cần, Tứ Niệm Xứ, Tứ Thánh Định, Tứ Như Ý Túc, Tam Minh, v.v.. mà chưa hề nghe Thầy dạy Bốn Định Vô Sắc.*

- Vậy Bốn Định Vô Sắc tu như thế nào?

- Tu nó có làm chủ sanh, già, bệnh, chết hay không?

- Tu nó có hại gì cho cơ thể và tinh thần không?

- Tại sao trong kinh sách Phật không dạy rõ cách thức tu nó?

Đáp: Bốn loại định vô sắc trong kinh Nguyên Thủy Phật dạy rất rõ, nếu muốn đạt được Tam Vô Lậu Học giải thoát thì phải vượt qua bốn loại định tưởng nhập vào Vô Tướng Tâm Định. Từ nội Vô Tướng Tâm Định này phải tư duy quán xét thì được giải thoát khỏi lậu hoặc vì ở Định Phi Tưởng còn nỗi ưu phiền là sáu nhập duyên mạng, tức là duyên với thân mạng. Người ấy muốn giải thoát thì phải thường hằng tuệ tri hiểu biết về sáu nhập duyên mạng này, cho nên khi nhập vào Vô Tướng Tâm Định thì sáu nhập duyên thân mạng mà không có lậu hoặc như:

1- Loại định này sáu nhập duyên mạng không có dục lậu.

2- Loại định này sáu nhập duyên mạng không có hữu lậu.

3- Loại định này sáu nhập duyên mạng không có vô minh lậu.

Bởi vì lục trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp tác động vào thân ta, tức mạng sống của ta, nhưng không sanh khởi ba lậu hoặc là nhờ tâm đang ở trong Định Vô Tướng Tâm, Vô Tướng Tâm Định có một trạng thái tỉnh thức cao độ, do thế mới tuệ tri được dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu để đẩy lui chúng ra khỏi tâm.

Vô Tướng Tâm Định không giống định Không Vô Biên Xứ Tưởng Định, là vì còn cái không phải không, tức là còn lục nhập duyên mạng nhưng lục nhập duyên

mạng lại không có lậu hoặc nhờ có tuệ tri, nên tất cả các pháp đến đều không tác động được tâm, vì thế các pháp đều được xem là không có mặt ở đây, nên được gọi là không có, nhưng đối với cái còn lại là lục nhập duyên mạng thì cái kia có, cái này có, nhưng cái có này hoàn toàn không điên đảo hoàn toàn thanh tịnh, cho nên cái có này mà tâm không dao động, vì thế gọi là "không tánh" chứ không phải theo kiểu Tánh không của ông Long Thọ.

Chỗ này là chỗ lầm lạc của các nhà Phật giáo phát triển, vì không có kinh nghiệm tu hành các Ngài tưởng giải Không Tánh hay là Chân Không còn gọi là Chân Không Diệu Hữu, vì còn tuệ tri nên các nhà Đại Thừa gọi là trí tuệ Bát Nhã. Do hiểu như vậy, nên các nhà Phật giáo phát triển rất "quê" với kinh sách Phật. Lỗi ấy là do các Tổ không tu tập chứng đạt chân lí nên làm sao hiểu nghĩa kinh Phật nổi.

Do bài kinh Tiểu Không này trong kinh Nguyên Thủy, Trung Bộ Kinh, tập 3 trang 291 các Ngài soạn thành một bộ kinh Đại Bát Nhã và cho rằng Đức Phật đã thuyết giảng kinh này 22 năm.

Chúng ta hãy đọc kỹ lại bài kinh Tiểu Không trong kinh Nguyên Thủy để thấy sự tưởng giải của các Tổ biên soạn ra bộ kinh Đại Bát Nhã vĩ đại đã khiến cho các nhà học giả tốn biết bao nhiêu giấy mực để luận thuyết về "Tánh Không".

Thiền Đông Độ lấy bộ kinh Kim Cang Bát Nhã làm cốt tủy của Thiền Tông và lập luận dung hòa để tránh khỏi sự tranh chấp giữa Thiền và Giáo, nhưng người sau không biết tưởng thiền là của Phật thuyết nên mới có sự kiện Thiền Giáo đồng hành ra đời.

"Lại nữa, này A Nanda vị Tỳ Kheo không tác ý Vô Sở Hữu Xứ Tưởng, không tác ý Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, tác ý sự nhất trí do duyên Vô Tướng Tâm Định. Tâm vị ấy được thích thú hân hoan an trú, hướng đến Vô Tướng Tâm Định. Vị ấy tuệ tri như sau: "Vô Tướng Tâm Định này thuộc hữu vi, do tâm tự tạo nên. Phàm cái gì thuộc hữu vi do tâm tự tạo nên, cái ấy là vô tướng, chịu sự đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy". Do vị ấy tuệ tri như vậy, thấy như vậy, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, tâm được giải thoát khỏi vô minh lậu. Trong sự giải thoát là sự hiểu biết rằng đã được giải thoát. Vị ấy tuệ tri sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại trạng thái này nữa. Vị ấy tuệ tri các ưu phiền do duyên dục lậu không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên hữu lậu không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên vô minh lậu không có mặt ở đây. Và chỉ ở một ưu phiền này, tức là sáu nhập duyên mạng, duyên

với thân này. Vị ấy tuệ tri. "Loại tưởng này không có dục lậu vị ấy tuệ tri. Loại tưởng này không có hữu lậu. Vị ấy tuệ tri. Loại tưởng này không có vô minh lậu. Loại tưởng này đã ly hết dục tưởng). Và chỉ có một cái này không phải không, tức là sáu nhập duyên mạng, duyên với thân này. Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy biết: Cái kia có cái này có. "Này A Nanda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh".

Qua bài kinh Tiểu Không trên đây, quý vị nhận xét kỹ sẽ hiểu không khác chúng tôi, chúng tôi cũng đã xác định ở trên họ dùng bài kinh Tiểu Không này lý luận thành lập hệ thống Bát Nhã, nhưng các Tổ đã đi quá xa thực tế nên biến thành trí tuệ Bát Nhã trừu tượng "Chân Không".

Một cái sai lầm nữa, nếu chúng ta nhận xét không kỹ trong bài kinh Tiểu Không này thì hành giả phải nhập Bốn Định Vô Sắc:

1. Không Vô Biên Xứ Định
2. Thức Vô Biên Xứ Định
3. Vô Sở Hữu Xứ Định
4. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Định

Và cuối cùng cũng phải bỏ các loại định này để trở lại nhập vào ***"Vô Tướng Tâm Định".*** Ở bài kinh trên đức Phật xác định: "*Không cần phải tác ý nhập Bốn Định Vô Sắc, mà chỉ cần tác ý nhập* ***"Vô Tướng Tâm Định".*** *Ở trạng thái định này hành giả dùng tuệ tri quán xét dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu để tự kiểm lại tâm mình khi lục trần tác động vào thân mà không thấy có lậu hoặc, như vậy chỗ lục trần tác động mà không có các lậu hoặc khởi lên, tức là không có ưu bi sầu khổ tham muốn, chỗ này tức là lục trần duyên mạng, lục trần duyên mạng là cái còn lại của ý thức vô dục chứ không phải của tưởng thức dục, nhưng hoàn toàn thanh tịnh vô dục, nên không có lậu hoặc, do đó đức Phật gọi là không tánh của thức, tức là* ***"Vô Tướng Tâm Định"****.*

Đức Phật dạy: ***"Nhưng đối với cái còn lại, ở vị ấy biết: "Cái kia có cái này có". Này A Nanda, cái này đối với vị ấy (Không Tánh) thật có không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh (lục trần duyên mạng không có lậu hoặc gọi là không tánh)".***

Như trên chúng tôi đã dạy, họ đã lầm, lấy lục trần duyên mạng (Không Tánh) cho là Chân Không diệu hữu, Tánh Không, Chân Không, Chân Như, Trí Tuệ Bát Nhã v.v..

Bây giờ chúng ta bắt đầu trở lại con đường tu tập như thế nào, để đi đến Chân Không diệu hữu?

Như trong kinh Tiểu Không Phật dạy: ***"Muốn đi vào không tánh này, trước tiên là sẽ tập quan sát cái không của nó".*** Ví dụ như ngôi nhà chúng ta đang ở đây.

1. Không có giường, chõng, bàn, ghế, tủ, rương, đồ đạc v.v..
2. Không có người ở.
3. Không có đèn đuốc.
4. Không có màn, thảm.

Toàn bộ đều trống không, đây chỉ cho không tánh của cái nhà.

"Thật vậy này Ananda, điều ông đã nghe là đúng, ghi nhớ là đúng, tác ý là đúng, thọ trì là đúng v.v..

Ví như lầu đài Lộc Mẫu này không có voi, bò, ngựa, không có vàng bạc, không có đàn bà, đàn ông tụ hội và chỉ có một cái nhà không, phải không?".

Đoạn kinh trên đã xác định không tánh của lầu đài Lộc Mẫu.

Ở đoạn kinh này xác định cách thức tu hành của chúng ta cụ thể rõ ràng về không tánh, chứ không phải như kinh sách Phật giáo phát triển dạy chúng ta kiến tánh thành Phật (đốn ngộ ngang xương), vì thế mà hiện giờ bao nhiêu người đã kiến tánh, rõ thông tánh, thấu triệt tánh, ngộ được tánh, vậy mà chẳng có ai thành Phật được cả. Từ xưa các Tổ cho đến bây giờ ai tu học về Đại Thừa và Thiền Đông Độ một thời gian mọi người ai cũng đều kiến tánh được cả, nhưng đời sống và đức hạnh thì không giống Phật chút nào, sống với tâm sắc dục thấy nữ sắc còn ham mê, thấy danh lợi còn chìm đắm, ăn ngủ phi thời theo thế gian, ai động đến thì tâm sân nổi lên ầm ầm.

Kiến tánh thành Phật rồi sao còn như vậy, hễ ai hỏi đạo, hỏi thiền thì đối đáp như nước chảy, như mưa tuôn mà sống thì phi đạo đức, phá giới luật. Đó là những điều tu sai mà đi đến lạc lầm không hay biết, người trước dẫn người sau đi mãi, đi mãi mà chẳng đến đâu, chỉ có tưởng giải, lý luận quanh co, lừa đảo bằng miệng lưỡi. Người đời không minh mẫn, tu không kết quả mà cứ đeo theo mãi, tưởng trạng thái tĩnh lặng và hỷ lạc là định sao? Định như vậy làm chủ được cái gì? Thấy được Phật Tánh như vậy, rồi ngẫm lại mình làm chủ được cái gì cho cuộc sống này.

Trong sáu năm tu hành, đức Phật đã thay đổi biết bao nhiêu loại pháp môn. Ngài đã nhập đến Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Định mà còn nghiệm xét thấy không giải thoát đối với cuộc sống đầy khổ đau của kiếp người.

Cho nên, từ Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Định. Người đã bỏ định này để nhập vào Vô Tướng Tâm Định, từ Vô Tướng Tâm Định, Người dùng tuệ tri quán xét lậu hoặc thấy lục nhập duyên mạng mà không khởi dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu, Người biết rằng tâm đã hết lậu hoặc thanh tịnh. Ở trạng thái này Ngài đặt tên là "Không Tánh" tức là tánh không còn lậu hoặc.

Mặc dù làm chủ được cái tâm (tâm vô lậu) không còn tái sanh luân hồi, vì nguyên nhân tái sanh là do tâm tạo nghiệp (nghiệp luân hồi chứ không phải tâm luân hồi, khi người chết nghiệp còn tâm mất). Chỗ này Ngài thực hiện làm chủ được cái tâm, không nói đến làm chủ cái thân, nhưng chúng ta phải biết, tâm đạt đến chỗ này thì nhập định rất dễ dàng chỉ còn tác ý ra lệnh là tiến tới làm chủ thân, tức là phải nhập Tứ Thiền và Tam Minh.

Kết quả trong bài kinh Tiểu Không Phật dạy: ***"sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".***

Đoạn kinh này ý nói làm chủ nghiệp, chấm dứt tái sanh luân hồi (không còn trở lui trạng thái này nữa), tu đến đây cũng vừa đủ cho người tìm đạo giải thoát, không cần phải tu tập tới nữa, nếu có tu tập tới nữa là thừa, mà thừa thì chẳng ích lợi gì, phí thì giờ vô ích.

Chỗ này, cần giải thích thêm để quý vị hiểu rõ. Con đường tu hành của đạo Phật có bốn giai đoạn làm chủ:

1- Làm chủ cuộc sống (sanh).

2- Làm chủ già (lão).

3- Làm chủ thọ (bệnh).

4- Làm chủ sự hoại diệt (chết).

Giai đoạn làm chủ sanh có nghĩa là làm chủ cuộc sống, luôn tạo nhân lành nên dù sanh bất cứ nơi đâu cũng đều hưởng phước báo an lạc cho đến khi tu tập chấm dứt sanh tử luân hồi.

Bài kinh "Tiểu Không'' chỉ cho ở giai đoạn một (vô lậu) tâm không còn tham, sân, si (các ác pháp), và lòng tham muốn dục lạc thế gian nữa, nói chung trong

bài kinh dạy tu tập rất rõ từ Không Vô Biên Xứ đến Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, không thấy giải thoát, tức là tâm không vô lậu, phải trở lại nhập Vô Tướng Tâm Định mới thấy lậu hoặc sạch, mới làm chủ cuộc sống và nghiệp tái sanh luân hồi.

Vô Tướng Tâm Định là loại định gì?

Vô Tướng Tâm Định là một tên khác của Bất Động Tâm Định. Như trong kinh Tiểu Không đã dạy: ***"Khi nhập vào Vô Tướng Tâm Định thì dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu không còn, chỉ còn lục nhập duyên mạng mà thôi. Vậy lục nhập duyên mạng là gì?***

Lục nhập là lục căn và lục trần, mạng là thân mạng. Câu này có nghĩa là căn, trần tiếp xúc tác động vào thân mạng mà không sanh ra ba lậu hoặc, ở trạng thái này gọi là Vô Tướng Tâm Định.

Ba lậu hoặc là gì? Ba lậu hoặc là tham, sân, si. Dục lậu ứng cho tâm tham, hữu lậu ứng cho tâm sân và vô minh lậu ứng cho tâm si. Như vậy, nhập vào Vô Tướng Tâm Định thì tham, sân, si không có, cũng như nhập vào Bất Động Tâm Định thì tâm tham, sân, si cũng không có, tức là ba lậu hoặc không còn. Như vậy Bất Động Tâm Định và Vô Tướng Tâm Định chỉ là một loại định mà hai tên khác nhau.

Bất Động Tâm Định là một tên khác của Sơ Thiền, nhưng Sơ Thiền tâm còn bị trụ vào năm chi thiền:

1/ Tầm

2/ Tứ

3/ Hỷ

4/ Lạc

5/ Nhất tâm

Đó là năm trạng thái của Sơ Thiền Thiên. Như chúng ta đã biết Sơ Thiền phải ly dục ly ác pháp, mà đã ly dục ly ác pháp thì tâm không còn tham, sân, si. Tâm không còn tham sân, si tức là ba lậu hoặc cũng không có, như vậy nhập Vô Tướng Tâm Định, Bất Động Tâm Định là nhập Sơ Thiền. Nhưng Vô Tướng Tâm Định, Bất Động Tâm Định thì không có năm chi thiền.

Cho nên, trong bài kinh Tiểu Không đức Phật đã xác định rõ ràng, dù nhập đến Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ vẫn phải bỏ, vì không hết lậu hoặc nên phải nhập lại

“Sơ Thiền”, bằng một cái tên khác, nhưng xét cho cùng tận chúng ta cũng nhận ra nó là Sơ Thiền, một loại thiền trong Tứ Thánh Định. Sơ Thiền thuộc về tâm định, chứ không phải thân định.

Chỉ có Sơ Thiền tâm vô lậu mới làm chủ cuộc sống (sanh) nhưng chưa hoàn tất con đường tu nên phải tiếp tục đạt đến tuệ Tam Minh để quét sạch mầm mống lậu hoặc tái sanh luận hồi. Người tu sĩ không thực hiện được Tam Minh thì không thể nào chấm dứt luân hồi.

Từ Nhị Thiền đến Tứ Thiền, các loại định này làm chủ già, bệnh, và chết và duy nhất chỉ có pháp môn ***“Tứ Thánh Định”*** này mới làm chủ bốn sự khổ đau của kiếp người.

Bây giờ, chúng ta trở lại vấn đề ***“Không tánh”.*** Như chúng ta ai cũng biết, mọi vật, từ con người đến muôn loài vật không một ai mà không gây ưu phiền cho nhau, như vậy không thể nào có không tánh được. Chúng ta lần lượt loại trừ ra người và vật thì ta còn lại cỏ, cây, đất, đá, núi, sông v.v.. Như vậy ta không tác ý người và vật thì tâm ta không tánh người vật (không khởi niệm người vật) chỉ còn cỏ, cây, đất, đá, núi, rừng, như vậy không này chưa phải là không.

Nhưng ta thấy rằng tâm ta không người vật, thật có không điên đảo, sự thực hiện như vậy tâm ta thanh tịnh người vật không có, nên không gây ưu phiền cho ta đó là thanh tịnh không tánh người vật.

Trong bài kinh Phật dạy: ***“Này Ananda, Tỳ Kheo không tác ý những tưởng, chỉ tác ý nhất trí do duyên lâm tưởng. Tâm của vị ấy được thích thú hân hoan, tưởng đến lâm tưởng. Vị ấy tuệ tri như sau “Các ưu phiền do duyên thôn tưởng, nhân tưởng, không có mặt ở đây và chỉ có một ưu phiền này do duyên lâm tưởng v.v..”. Như vậy, này A nanda, cái này đối với vị ấy là như vậy thật có không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh không tánh”.***

Để xác định cái không đầu tiên và để chúng ta nhận xét, cái nhà trống không và so sánh với cái tâm không niệm tức là *“Không Vô Biên Xứ”.*

Khi ở trong trạng thái Không Vô Biên Xứ ta tuệ tri các ưu phiền do duyên niệm thiện niệm ác không có mặt ở đây và chỉ có một ưu phiền này (là không tiến tới đâu được nữa) tức là Không Vô Biên Xứ Tưởng. Nhưng Không Vô Biên Xứ Tưởng có, tức là niệm thiện ác vẫn còn có mặc dù cái Không Vô Biên Xứ này thật sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh đối với niệm thiện niệm ác, nhưng trong lúc nhập Không Vô Biên Xứ còn khi xuất ra khỏi Không Vô Biên Xứ thì niệm thiện niệm ác vẫn còn nguyên vẹn như trên chúng tôi đã nói. Vì thế nhập

Không Vô Biên Xứ không bao giờ có giải thoát.

Chỗ này kinh sách phát triển lầm tưởng khi nhập vào Không Vô Biên Xứ Tưởng, các Ngài cho là Phật Tánh nơi đây, nên các kinh phát triển dạy: ***"Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm"*** hoặc ***"Bồ Tát độ hết chúng sanh thì thành Phật"*** hoặc ***"Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã vị nhân hành tà đạo, bất năng kiến Như Lai",*** chỗ này Thiền Đông Độ dạy: ***"chẳng niệm thiện niệm ác bản lai diện mục hiện tiền".*** Tu đến đây, tức là nhập Bốn Định Vô Sắc không thấy có sự giải thoát cho nên đức Phật dạy: ***"Phải nhập Vô Tướng Tâm Định",*** khi đức Phật nhập Vô Tướng Tâm Định thì Ngài mới thấu rõ và xác định Bốn Định Vô Sắc: ***"Cái kia có, cái này có, cái kia không cái này không",*** do như vậy Bốn Định Vô Sắc không giải thoát, còn ngược lại Vô Tướng Tâm Định thì khác: ***"Cái này có nhưng lại cái kia không, tức là có lục nhập duyên mạng mà không có ba lậu hoặc"***, do chỗ này các nhà học giả Bát Nhã dựa vào bài kinh Tiểu Không này lý luận: ***"Sắc tức thị không không tức thị sắc''*** có tức là không, không tức là có, từ đó trí tuệ Bát Nhã thành hình để đập phá các luận giải của các bộ phái.

Dựa vào chỗ ***"Không Tánh"*** này các nhà Phật giáo phát triển thành lập trí tuệ Bát Nhã, lấy trí tuệ Bát Nhã tưởng này lý luận đập phá hết cả giáo lý Phật giáo (Trung Quán Luận) do Ngài Long Thọ tưởng luận ra.

Sau này các vị thiền sư Đông Độ không chấp nhận ***"Chẳng niệm thiện niệm ác"*** là cứu cánh, trong Pháp Bảo Đàn Kinh, tức lời dạy của Lục Tổ Huệ Năng dạy, nên bảo: ***"Vô tâm còn cách lớp rào".*** Do đó các Ngài (Tổ Sư Thiền) tiến tới vượt qua Không Vô Biên Xứ, nhập vào Thức Vô Biên Xứ, nơi đây các ngài chấp nhập được xem là ***"Phản bổn hoàn nguyên, phủ trùm vạn hữu".*** Nên Bà Bàng Long Uẩn nói: ***"Dễ dễ trên đầu trăm cỏ ý Tổ sư"*** hay ***"Sáng sáng, đầu trăm cỏ, sáng sáng ý Tổ sư".*** Thiền Đông Độ tu đến đây được xem như viên mãn.

Đối với đạo Phật, sự tu tập của một số hệ phái mới nhập được hai loại Định Vô Sắc mà vội cho là chứng đạo. Cho nên tâm dục chưa hết, danh, lợi chưa trừ, bản ngã chưa diệt, vì thế các Ngài tự tôn mình là thế này thế nọ mà thôi.

Lời nói này chúng tôi khuyên các bạn đừng tin nơi chúng tôi mà cứ suy ngẫm sự tu hành của các bạn đã tu Thiền Đông Độ từ năm 10 năm đến 20 năm mà bây giờ các bạn tu đã đến đâu? Thì các bạn tự biết, các bạn có làm chủ sanh, già, bệnh, chết hay không? Chắc điều này các bạn rõ hơn ai hết.

Trong kinh sách Nguyên Thủy đức Phật đã xác định rõ ràng: Từ Không Vô Biên Xứ đến Thức Vô Biên Xứ. Cách thức tu tập do tâm thích thú, hân hoan an trú

hướng đến tâm không (không niệm thiện ác) do sự thích thú hân hoan ấy nên nhất trí tác ý ***"không",*** Tổ Huệ Khai khi chứng thiền bằng ***"tâm không" "không, không, không, không"*** bài kệ chứng đạo Ngài còn lưu lại:

"Vô vô vô vô vô"

"Vô vô vô vô vô"

"Vô vô vô vô vô"

"Vô vô vô vô vô"

Theo như lời hỏi của cô Diệu Quang thì nên tu Bốn Định Vô Sắc như thế nào?

Như trong bài kinh Tiểu Không Phật đã dạy và chúng ta nhận xét cái không, khi đã thông hiểu cái không thì cái không ở tâm tức là không niệm thiện niệm ác, tâm không có niệm thiện ác, tức là ý thức thanh tịnh, ý thức thanh tịnh không liên hệ ngũ căn là Không Vô Biên Xứ Định, lời dạy này đức Phật đã xác định một cách rõ ràng trong Kinh Tương Ưng.

Cách thức tu nó chỉ giữ tâm chẳng niệm thiện niệm ác như các thiền sư đã dạy: ***"Giữ ông chủ, chăn trâu, biết vọng liền buông",*** sau này các thiền sư lại chế ra pháp tu ***"tham thoại đầu, tham công án"*** và cuối cùng thì niệm danh hiệu Phật Di Đà tức là ***"Niệm Phật là ai?".*** Đây là những pháp môn tu ức chế tâm tối đa mà các Tổ đã tu sai lọt vào tưởng giải mới sản sanh ra những pháp môn như vậy, khiến cho người đời sau tu hành chẳng đi đến đâu mà trở thành phế nhân, bệnh thần kinh, uổng phí một đời người. Nếu không thức tỉnh nhận ra kịp thời ngăn chặn những tà pháp này thì hậu quả không lường cho đời sau, những người có nhiệt tâm tìm tu giải thoát.

Loại thiền định này tu chẳng làm chủ được cái gì cả cho kiếp sống con người, chỉ có được trạng thái an ổn (xúc tưởng hỷ lạc) và triển khai được tưởng tuệ, triệt ngộ mà thôi (ngộ kinh sách Đại Thừa và công án Thiền Tông).

Muốn tu tập 4 loại Định Vô Sắc này như trong kinh Tiểu Không Phật đã dạy: ***Tỳ Kheo nên tác ý Không Vô Biên Xứ và tâm thích thú hân hoan với trạng thái "Không" này thì sẽ đạt Không Vô Biên Xứ, không mấy khó khăn".***

Muốn nhập Thức Vô Biên Xứ thì không ưa thích, hân hoan trạng thái không và không tác ý Không Vô Biên Xứ, chỉ nên tác ý Thức Vô Biên Xứ, tu tập như vậy một thời gian sau Thức Vô Biên Xứ hiện tiền hay ở trong trạng thái Không Vô Biên Xứ mà tâm đừng chạy theo, tức là đừng bám trụ hỷ lạc của Không Vô Biên Xứ Tưởng mà phải giữ *"Thức"* đừng cho mất và tác ý Thức Vô Biên Xứ, rồi sanh

tâm ưa thích, hân hoan với nó, tu tập như vậy một thời gian sau thì Thức Vô Biên Xứ sẽ hiện tiền không còn ở trong trạng thái Không Vô Biên Xứ nữa.

"Này Ananda, Tỳ Kheo không tác ý Địa Tưởng, không tác ý Không Vô Biên Xứ Tưởng, chỉ tác ý Thức Vô Biên Xứ với sự nhất trí. Tâm vị ấy thích thú hân hoan, an trú hướng đến Thức Vô Biên. Vị ấy tuệ tri như sau: Các ưu phiền do duyên địa tưởng không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên Không Vô Biên Xứ Tưởng không có mặt ở đây và chỉ có một ưu phiền này, tức là sự nhất trí do duyên Thức Vô Biên Xứ. Vị ấy tưởng tri "loại tưởng này không có địa tưởng, loại tưởng này không có Không Vô Biên Xứ Tưởng, và chỉ có một cái này không phải không, tức là sự nhất trí do duyên Thức Vô Biên Xứ Tưởng". Và cái gì không có mặt ở đây vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy tuệ tri. "Cái kia có cái này có". Này A nanda cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh không tánh".

Trong đoạn kinh này đức Phật đã xác định, dù là nhập được Không Vô Biên Xứ Tưởng nhưng vẫn còn ưu phiền cho đến Thức Vô Biên Xứ Tưởng, Vô Sở Hữu Xứ Tưởng, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Tưởng vẫn còn ưu phiền: ***"và chỉ có một ưu phiền này, tức là sự nhất trí do duyên phi tưởng phi phi tưởng xứ tưởng".***

Đến khi nhập Vô Tướng Tâm Định thì mới chấm dứt ưu phiền, mới làm chủ được cuộc sống và chấm dứt luân hồi, còn bốn loại Định Vô Sắc kia còn ưu phiền nên chưa được giải thoát, vì thế đức Phật nhập Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Tưởng Ngài nhận thấy tâm còn ưu phiền không giải thoát nên liền rời bỏ vị thầy dạy mình tu tập định này.

"Lại nữa, này A nanda, vị Tỳ Kheo không tác ý Vô Sở Hữu Xứ Tưởng và Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ tưởng, chỉ tác ý sự nhất trí do duyên Vô Tướng Tâm Định. Tâm vị ấy thích thú, hân hoan, an trú hướng đến Vô Tướng Tâm. Vị ấy tuệ tri như sau; Vô Tướng Tâm Định này hữu vi do tâm tự tạo nên. Phàm cái gì thuộc hữu vi do tâm tự tạo nên, cái ấy là vô thường chịu sự đoạn diệt. Vị ấy tuệ tri như vậy thấy như vậy, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Trong sự giải thoát là sự hiểu biết rằng đã được giải thoát sanh đã tận v.v.."

Đến đây chúng ta mới thấy rõ những người tu định tưởng không bao giờ có giải thoát (bốn định vô sắc thuộc vô vi) nên phải trở về định hữu vi vô tướng tâm, Định Hữu Vi Vô Tướng Tâm thuộc về Định Hữu Sắc, do tu tập định Hữu Vi nên

mới có được giải thoát hoàn toàn, còn Định Tưởng Vô Sắc nên tu tập không giải thoát.

Tóm lại, bốn loại định tưởng tu chẳng có lợi ích gì, còn mất công tu tập và mất thì giờ vô ích, chẳng có làm chủ được gì cả, chỉ có vọng ngữ là hơn hết.

Tu định này, nếu không biết cách ức chế tâm cho hết vọng tưởng, mà cứ cố tập trung thì căng thần kinh não hoặc căng mặt rồi sanh ra bệnh tật (rối loạn cơ thể) có khi điên khùng mà người ta gọi là ***"tẩu hỏa nhập ma",*** hoặc rơi vào pháp tưởng, chuyên lý luận. Những kẻ tu thiền này rơi vào những trạng thái tưởng thì rất khó xả bỏ. Những ai đã tu sai lọt vào những loại thiền bệnh này thì hết phương cứu trị.

Đọc đến đây các bạn cứ suy ngẫm kỹ con đường các bạn đang tu tập thì sẽ rõ, đừng tin và nghe lời chúng tôi nói trên đây mà hãy nghiệm xét theo lời Phật dạy và lời chúng tôi nói, đúng hay sai rồi mới tin, còn không thời gian sẽ trả lời các bạn điều này.

(Còn tiếp)

Nguồn: Đường về Xứ Phật Tập 5 - Nhà xuất bản Tôn giáo

Tác giả: Trưởng lão Thích Thông Lạc